

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : HOÀNG THỊ HẢI YẾN
Giảng viên hướng dẫn: CN. TÔ THỦY HOA**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG
MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : HOÀNG THỊ HẢI YẾN
Giảng viên hướng dẫn: CN. TÔ THÚY HOA**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Hải Yến

Mã SV:1354010161

Lớp: QT1301K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ
phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Tô Thúy Hoa**

Học hàm, học vị: Cử nhân kế toán tài chính

Cơ quan công tác: Công ty TNHH Bai Can

Nội dung hướng dẫn

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.....	1
1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.	1
1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.	1
1.2. Yêu cầu quản lý vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.	1
1.3. Nhiệm vụ kế toán vật liệu ở doanh nghiệp xây dựng.	3
2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	3
2.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	3
2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.....	5
2.2.1. Đánh giá vật liệu theo giá thực tế.	6
2.2.2. Đánh giá vật liệu theo giá hạch toán.	9
3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	10
3.1. Chứng từ sử dụng:.....	10
3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu.....	11
3.2.1. Phương pháp thẻ song song	11
3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
3.2.3. Phương pháp sổ số dư.	14
4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	17
4.1.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên .	17
4.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.	17
4.1.2 Sơ đồ hạch toán	19
4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì.	21
4.2.1 Nội dung và tài khoản kế toán sử dụng.....	21
4.3. Các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp	24
4.3.1. Hình thức Nhật ký chung	24

4.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
4.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung (Sơ đồ 6)	24
4.3.2 . Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	26
4.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ cái	26
4.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.(Sơ đồ 7) ...	26
4.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
4.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ.	28
4.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.(Sơ đồ 8)	29
4.3.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ	31
4.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.	31
4.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.(Sơ đồ 9)	31
4.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	33
4.3.5.1.Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
4.3.5.2. Trình tự ghi sổ theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ 10) .	33
Chương II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ.....	35
1. Đặc điểm tình hình chung tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.	35
1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.	36
1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.	36
1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động. ..	37
1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.....	38
1.5. Tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.....	41
1.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	41

1.5.2 Đặc điểm chế độ kế toán tại công ty.....	42
2. Tình hình thực tế tổ chức kế toán vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	45
2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.	45
2.1.1 Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.	45
2.1.2. Phân loại vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ	45
2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu.....	46
2.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty	46
2.2 Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.....	47
2.2.1 Tính giá nhập kho nguyên vật liệu	47
2.2.2 Tính giá xuất kho nguyên vật liệu.....	47
2.3. Chế độ chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.....	48
2.3.1 Thực trạng vận dụng chế độ chứng từ kế toán nguyên vật liệu.	48
2.3.2 Thực trạng vận dụng chế độ tài khoản kế toán nguyên vật liệu.....	49
2.3.3 Thực trạng vận dụng chế độ sổ sách kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	50
2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.....	50
2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu.....	50
2.4.2 Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.....	52
2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	53
2.6 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	65
2.6.1 Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.....	67

2.6.1.1. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.	67
2.6.1.2 Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.	70
2.6.1.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài thanh toán bằng tiền mặt.	73
2.6.2. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.	76
2.6.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.	81
CHƯƠNG III: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ.....	83
1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ trong thời gian tới.	83
2. Đánh giá chung công tác hạch toán công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.	84
2.1. Ưu điểm:.....	84
2.2 Hạn chế.....	87
3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.	88
3.1 Nguyên tắc hoàn thiện.....	88
3.2 Yêu cầu hoàn thiện.....	88
3.3 Nội dung hoàn thiện.	90
KẾT LUẬN.....	102

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương pháp sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, do vậy mà doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đứng vững và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng với chất lượng ngày càng cao và giá thành hạ. Đó là mục đích chung của các doanh nghiệp sản xuất và ngành xây dựng cơ bản nói riêng. Năm bắt được thời thế trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, với nhu cầu cơ sở hạ tầng, đô thị hoá ngày càng cao. Ngành xây dựng cơ bản luôn luôn không ngừng phấn đấu để tạo những tài sản cố định cho nền kinh tế. Tuy nhiên, trong thời gian hoạt động, ngành xây dựng cơ bản còn thực hiện tràn lan, thiếu tập trung, công trình dang dở làm thất thoát lớn cần được khắc phục. Trong tình hình đó, việc đầu tư vốn phải được tăng cường quản lý chặt chẽ trong ngành xây dựng cơ bản là một điều hết sức cấp bách hiện nay.

Để thực hiện được điều đó, vấn đề trước mắt là cần phải hạch toán đầy đủ, chính xác vật liệu trong quá trình sản xuất vật chất, bởi vì đây là yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chỉ cần một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Điều đó buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tiết kiệm nguyên vật liệu để làm sao cho một lượng chi phí nguyên vật liệu bỏ ra như cũ mà sản xuất được nhiều sản phẩm hơn, mà vẫn đảm bảo chất lượng, đó cũng là biện pháp đúng đắn nhất để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời tiết kiệm được hao phí lao động xã hội. Kế toán với chức năng là công cụ quản lý phải tính toán và quản lý như thế nào để đáp ứng được yêu cầu đó.

Nhận thức được một cách rõ ràng vai trò của kế toán, đặc biệt là kế toán vật liệu trong quản lý chi phí của doanh nghiệp, trong thời gian thực tập

tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ cùng với sự giúp đỡ của Phòng Tài chính Kế toán và được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Tô Thúy Hoa, em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

Vận dụng những kiến thức đã tiếp thu được ở trường kết hợp với thực tế về công tác hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ em xin viết đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ”***.

Bản luận văn này gồm có 3 phần:

Chương I: Những lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp xây dựng.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

Chương III: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Do kiến thức và lý luận thực tế hiểu biết chưa nhiều nên trong bài viết của mình còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Em rất mong được cô giáo và cán bộ vụ cho công tác sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I
NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP
XÂY DỰNG.

1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.

1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.

❖ *Khái niệm*

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm.

❖ *Đặc điểm*

- *Về mặt hiện vật* : Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ, thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng.

- *Về mặt giá trị* : Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra.

1.2. Yêu cầu quản lý vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng.

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất mang tính chất công nghiệp, sản phẩm của ngành xây dựng là những công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp và thường cố định ở nơi sản xuất (thi công) còn các điều kiện khác đều phải di chuyển theo địa điểm xây dựng. Từ đặc điểm riêng của ngành xây dựng làm cho công tác quản lý, sử dụng vật liệu phức tạp vì chịu ảnh hưởng lớn của môi trường bên ngoài nên cần xây dựng định mức cho phù hợp với điều kiện thi công thực tế. Quản lý vật liệu là

yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi mức độ và phương pháp quản lý cũng khác nhau.

Hiện nay, nền sản xuất ngày càng mở rộng và phát triển trên cơ sở thoả mãn không ngừng nhu cầu vật chất và văn hóa của mọi tầng lớp trong xã hội. Việc sử dụng vật liệu một cách hợp lý, có kế hoạch ngày càng được coi trọng. Công tác quản lý vật liệu là nhiệm vụ của tất cả mọi người nhằm tăng hiệu quả kinh tế cao mà hao phí lại thấp nhất. Công việc hạch toán vật liệu ảnh hưởng và quyết định đến việc hạch toán giá thành, cho nên để đảm bảo tính chính xác của việc hạch toán giá thành thì trước hết cũng phải hạch toán vật liệu chính xác.

Ở khâu thu mua: Doanh nghiệp phải trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

Ở khâu bảo quản: Việc tổ chức kho tàng, bến bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn cũng là một trong các yêu cầu quản lý vật liệu.

Ở khâu dự trữ: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình thi công xây dựng được bình thường, không bị ngừng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc gây ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Ở khâu sử dụng : Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng nguyên vật liệu đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Tóm lại, quản lý vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng vật liệu là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp, luôn được các nhà quản lý quan tâm.

1.3. Nhiệm vụ kế toán vật liệu ở doanh nghiệp xây dựng.

Kế toán là công cụ phục vụ việc quản lý kinh tế vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của vật liệu, từ yêu cầu quản lý vật liệu, kế toán vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất và tồn kho vật liệu. Tính giá thành thực tế vật liệu đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại cho quá trình thi công xây dựng.

+ Áp dụng đúng đắn, nhất quán các phương pháp và kỹ thuật hạch toán vật liệu, hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu.

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật tư, phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý vật tư thừa, thiếu, ứ đọng hoặc mất phẩm chất. Tính toán, xác định chính xác số lượng và giá trị vật tư thực tế đưa vào sử dụng và đã tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phân bổ giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao vào các đối tượng sử dụng.

+ Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về nguyên vật liệu. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu - bao gồm rất nhiều loại khác nhau, đặc biệt là trong ngành xây dựng cơ bản với nội dung kinh tế và tính năng lý hoá học khác nhau. Để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết tới từng loại vật liệu phục vụ cho kế hoạch quản trị ... cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu.

❖ *Phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và nội dung kinh tế*

Đây là cách thông dụng nhất trong thực tế hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp. Theo đặc trưng này nguyên vật liệu trong sản xuất gồm:

+ ***Nguyên vật liệu chính:*** Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp xây dựng, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể chính của sản phẩm.

Trong ngành xây dựng cơ bản còn phải phân biệt vật liệu xây dựng và vật kết cấu. Các loại vật liệu này đều là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành lên sản phẩm của đơn vị xây dựng, các hạng mục công trình xây dựng nhưng chúng có sự khác nhau. Vật liệu xây dựng là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến được sử dụng trong đơn vị xây dựng để tạo lên sản phẩm như hạng mục công trình, công trình xây dựng như gạch, ngói, xi măng, sắt, thép... Vật kết cấu là những bộ phận của công trình xây dựng mà đơn vị xây dựng sản xuất hoặc mua của đơn vị khác để lắp vào sản phẩm xây dựng của đơn vị mình như thiết bị vệ sinh, thông gió, truyền hơi ẩm, hệ thống thu lôi...

+ ***Vật liệu phụ:*** Là những loại vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, nhưng có thể là thay đổi màu sắc, hình dạng tạo nên sự hấp dẫn hơn cho sản phẩm. Trong ngành xây dựng cơ bản gồm: sơn, dầu,... phục vụ cho quá trình sản xuất.

+ ***Nhiên liệu:*** Về thực thể là một loại vật liệu phụ, nhưng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình thi công, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm có thể diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, khí, rắn như: xăng, dầu, than củi, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc, thiết bị hoạt động.

+ ***Phụ tùng thay thế:*** Là những loại vật tư, sản phẩm dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, sản xuất...

+ ***Thiết bị xây dựng cơ bản:*** Bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

+ ***Phế liệu:*** Là các loại vật liệu loại ra trong quá trình thi công xây dựng như gỗ, sắt, thép vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định.

❖ *Phân loại nguyên vật liệu theo mục đích, công dụng của nguyên vật liệu* cũng như nội dung quy định phản ánh chi phí NVL trên các tài khoản kế toán

- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: Phục vụ quản lý doanh nghiệp...

❖ *Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn nhập*

- Nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài
- Nguyên vật liệu nhập kho do tự chế tạo
- Nguyên vật liệu nhập kho do thuê gia công
- Nguyên vật liệu nhập kho do nhận góp vốn bằng NVL
- Nguyên vật liệu được biếu tặng

2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

- *Nguyên tắc giá gốc:* Theo chuẩn mực kế toán 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Nguyên tắc thận trọng:* Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- *Nguyên tắc nhất quán:* Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

2.2.1. Đánh giá vật liệu theo giá thực tế.

a. Giá thực tế vật liệu nhập kho.

Tuỳ theo nguồn nhập mà giá thực tế của vật liệu được xác định như sau:

+ Đối với vật liệu mua ngoài thì giá thực tế nhập kho:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{r} \text{CP} \\ \text{thu} \\ \text{mua} \end{array}$$

+ Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự chế:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL tự chế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{VL xuất kho} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{CP vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

+ Đối với thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL thuê ngoài} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL xuất thuê} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{CP thuê ngoài} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

+ Đối với vật liệu được cấp:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của VL} \\ \text{được cấp} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá theo} \\ \text{biên bản giao nhận} \end{array}$$

+ Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của VL} \\ \text{nhận góp vốn liên doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị vốn góp do} \\ \text{hội đồng liên doanh đánh giá} \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ *Đối với vật liệu được biểu tặng, viện trợ:*

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế của VL} & & \text{Giá thị trường} \\ \text{được biểu tặng, viện trợ} & = & \text{tại thời điểm nhận} \end{array}$$

+ *Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:*

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{phế liệu thu hồi} & = & \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

b. Giá thực tế vật liệu xuất kho.

Vật liệu được thu mua và nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá thực tế của từng lần, từng đợt nhập kho không hoàn toàn giống nhau. Khi xuất kho kế toán phải tính toán xác định được giá thực tế xuất kho cho từng nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau, theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Để tính giá trị thực tế của vật liệu xuất kho có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

+ ***Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh:***

Theo phương pháp này, vật tư xuất kho thuộc lô nào, theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm : Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

+ ***Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cả kỳ dự trữ:***

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Số lượng thực tế} & & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó đơn giá bình quân có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL sau mỗi lần nhập}}$$

Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

+ ***Phương pháp tính theo giá thực tế nhập trước - xuất trước (FIFO)***

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm : Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm : Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

+ *Phương pháp tính theo giá thực tế nhập sau - xuất trước (LIFO):*

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm : Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm : Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng Cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

2.2.2. Đánh giá vật liệu theo giá hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng, chủng loại vật liệu nhiều, tình hình xuất kho diễn ra thường xuyên. Việc xác định giá thực tế của vật liệu hàng ngày rất khó khăn và ngay cả trong trường hợp có thể xác định được hàng ngày đối với từng lần nhập, đợt nhập nhưng tốn kém nhiều chi phí không hiệu quả cho công tác kế toán, có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất hàng ngày. Giá hạch toán là loại giá ổn định được sử dụng thống nhất trong doanh nghiệp, trong thời gian dài có thể là giá kế hoạch của vật liệu. Như vậy hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá vật liệu xuất kho. Cuối kỳ phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán. Việc điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế tiến hành như sau:

Trước hết, xây dựng hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của vật liệu "H":

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{giữa giá thực tế} \\ \text{và giá hạch toán} \\ \text{của NVL} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Sau đó tính giá thực tế xuất kho, căn cứ vào giá hạch toán xuất kho và hệ số chênh lệch:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của} \\ \text{NVL xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và} \\ \text{giá hạch toán của NVL} \end{array}$$

Tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu về trình độ quản lý của doanh nghiệp mà trong các phương pháp tính giá vật liệu xuất kho đơn giá thực tế hoặc hệ số giá có thể tính riêng cho từng thứ, nhóm hoặc loại vật liệu.

3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

3.1. Chứng từ sử dụng:

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng

từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu.

Hiện nay trong các doanh nghiệp sản xuất, việc hạch toán vật liệu giữa kho và phòng kế toán có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển
- Phương pháp sổ số dư

3.2.1. Phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Việc ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo số lượng.

Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho rồi ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.

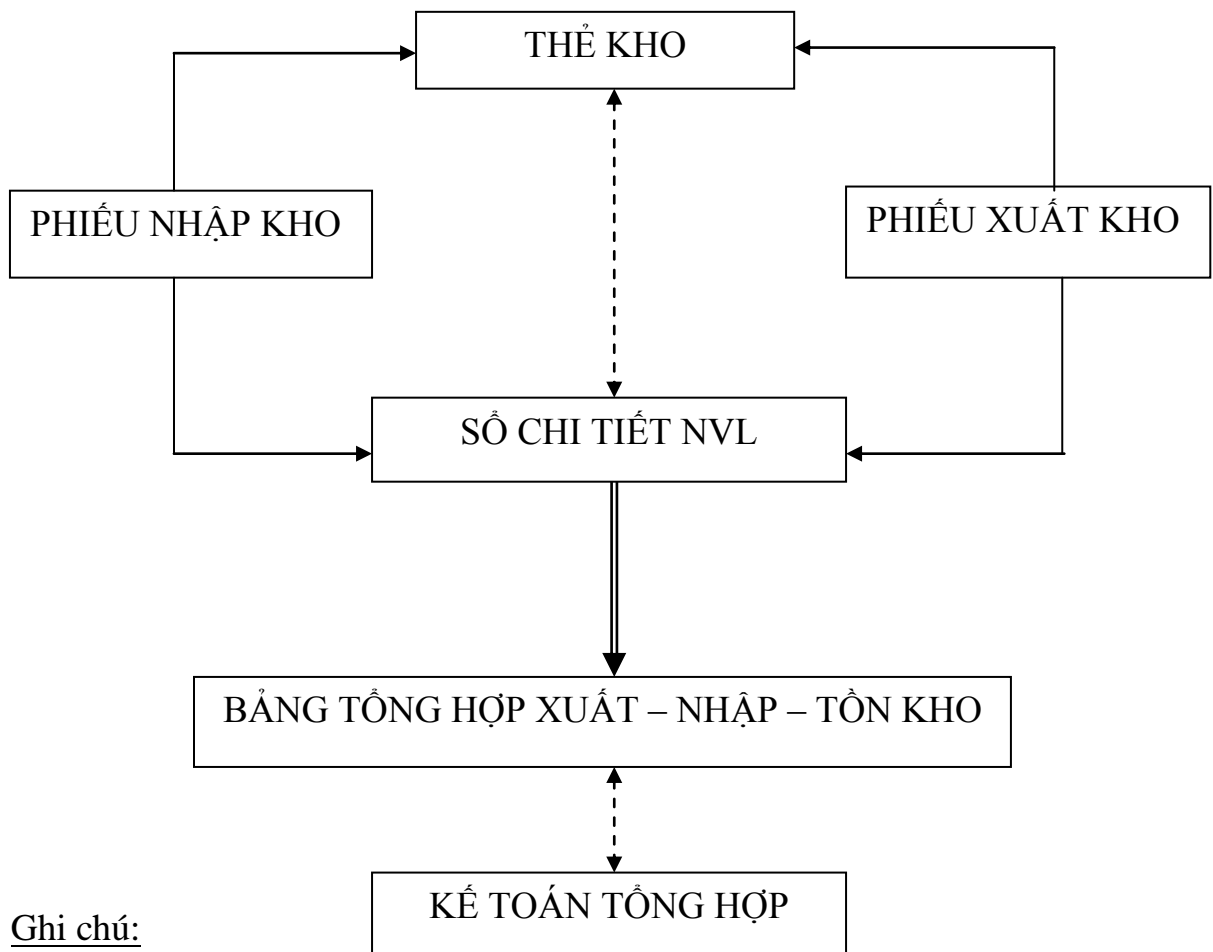
- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, mỗi chứng từ được ghi một dòng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- ✓ Sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho.
- ✓ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp.
- ✓ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- : Ghi hàng tháng
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu kiểm tra

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu

- Nhược điểm: Sự trùng lặp trong ghi chép giữa kế toán và thủ kho về chỉ tiêu số lượng.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn được áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Ở kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho dùng cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về mặt số lượng và mặt giá trị.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu riêng hoặc có thể lập “bảng kê nhập” và “bảng kê xuất”.

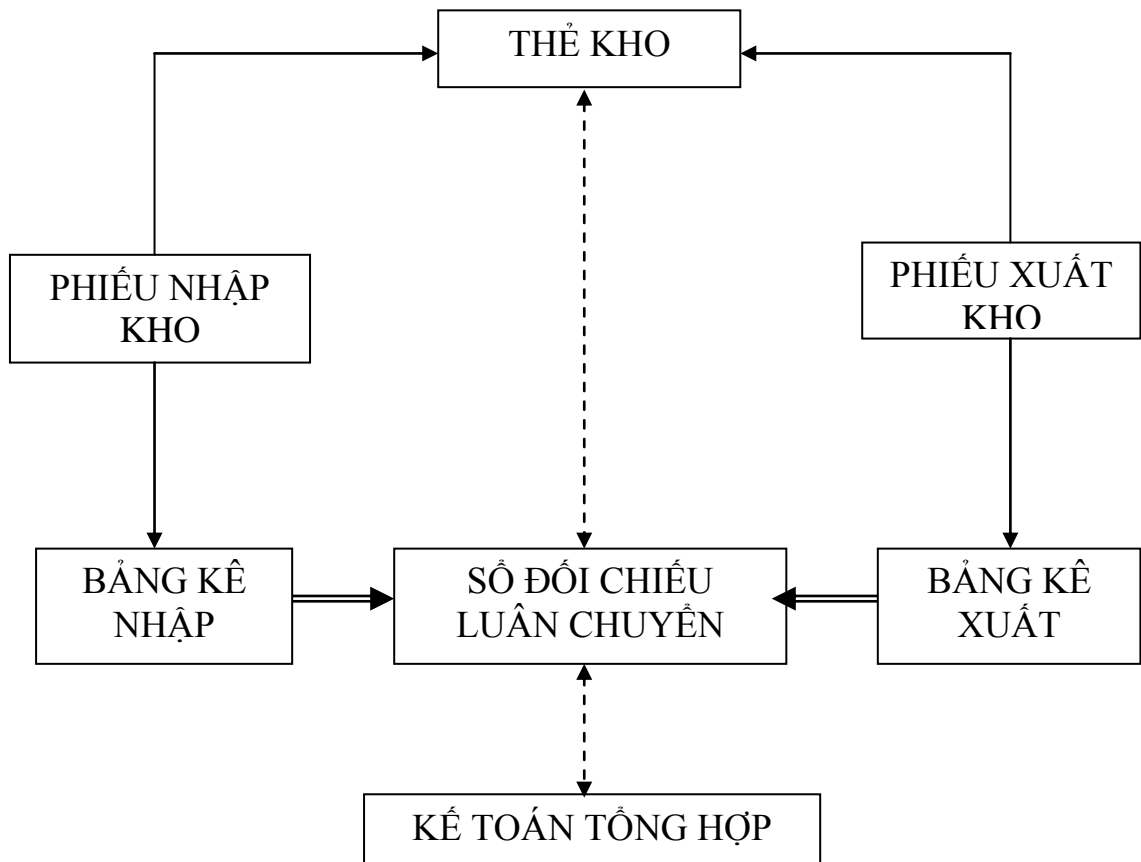
Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm: Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp Sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- > : Ghi hàng tháng
- ==> : Ghi cuối tháng
- <-.-.-> : Đối chiếu kiểm tra

3.2.3. Phương pháp sổ số dư.

- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho, nhưng cuối tháng phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào Sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư do kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

- Ưu điểm:

- + Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu.
- + Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.
- + Khối lượng công việc được dàn đều trong tháng.

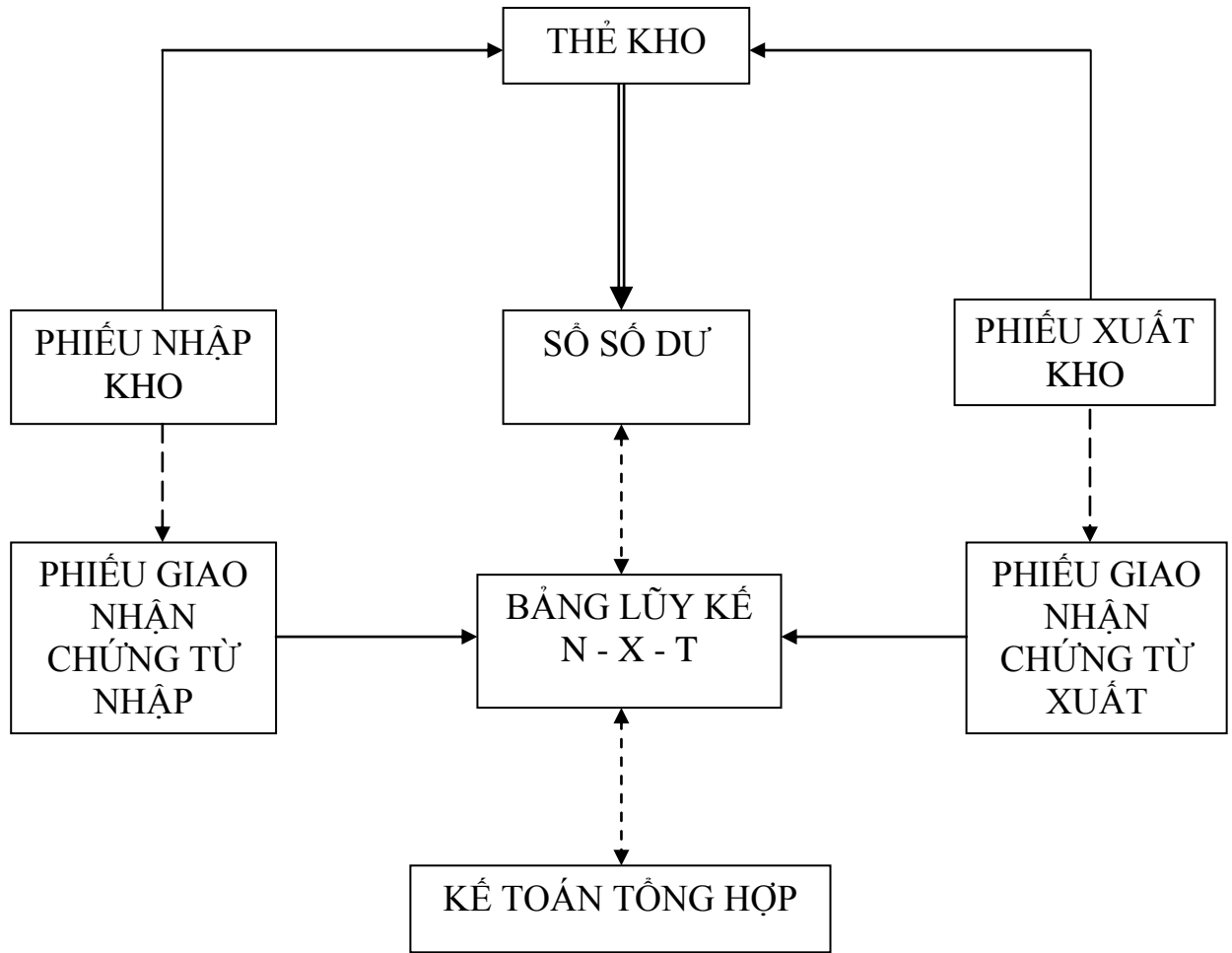
- Nhược điểm:

- + Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu nên để biết thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu thì phải căn cứ vào thẻ kho.
- + Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

- Điều kiện áp dụng:

- + Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.
- + Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- - - - -> : Ghi định kỳ
- ====> : Ghi cuối tháng
- <- - - -> : Đối chiếu kiểm tra

4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Vật liệu là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp. Việc mở các tài khoản kế toán tổng hợp, ghi chép sổ kế toán và xác định giá trị hàng tồn kho, giá trị bán ra hoặc xuất dùng tùy thuộc vào việc doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp nào. Có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ.

4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán thực hiện phản ánh một cách đầy đủ, kịp thời tình hình biến động của các loại vật tư hàng hoá trên tài khoản hàng tồn kho và căn cứ vào các chứng từ kế toán.

4.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

✓ **Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu**

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm các loại nguyên liệu theo giá trị vốn thực tế (Có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm, thứ vật liệu)

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, tài khoản 152 có thể mở thành tài khoản cấp 2 chi tiết như sau:

Tài khoản 1521	Nguyên liệu vật liệu chính
Tài khoản 1522	Vật liệu phụ
Tài khoản 1523	Nhiên liệu
Tài khoản 1524	Phụ tùng thay thế
Tài khoản 1525	Thiết bị xây dựng cơ bản
Tài khoản 1528	Vật liệu khác

Tài khoản 152 có kết cấu như sau:

- Bên Nợ:

+ Trị giá vốn thực tế của vật liệu tăng trong kỳ (do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận vốn góp liên doanh...)

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Bên Có:

+ Trị giá thực tế của nguyên vật liệu giảm trong kỳ do xuất dùng (xuất cho sản xuất, kinh doanh, thuê ngoài gia công chế biến, đi góp vốn...)

+ Số tiền chiết khấu, giảm giá, trả lại nguyên vật liệu khi mua.

+ Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt do kiểm kê.

+ Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Số dư Nợ:

+ Phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

✓ Tài khoản 151 – Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại vật tư hàng hoá mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán, nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp và tình hình hàng đang đi đường đã về nhập kho.

Tài khoản 151 có kết cấu như sau:

- Bên Nợ:

+ Trị giá vật tư, hàng hoá đang đi đường (hàng đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp).

+ Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Bên Có:

+ Trị giá vật tư, hàng hoá đang đi đường tháng trước, tháng này đã đưa về nhập kho hay đưa vào sử dụng ngay.

+ Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Số dư Nợ: Phản ánh trị giá vật tư, hàng hoá đã mua nhưng còn đang đi đường.(Chưa về nhập kho đơn vị).

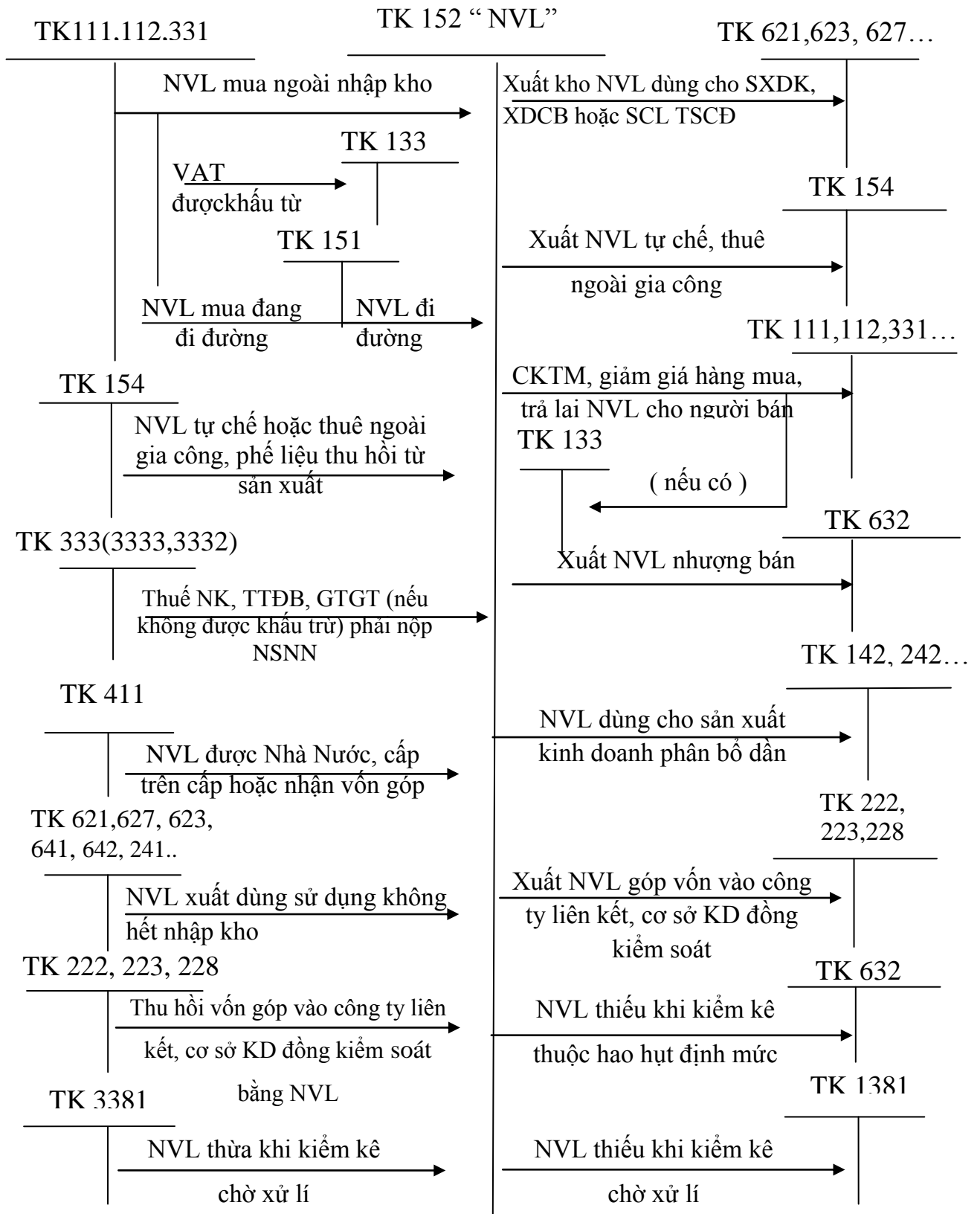
Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 331, TK 621, TK 627, TK 642, TK 142, TK 242, TK 241, TK 111, TK 112, TK 141, TK 138...

4.1.2 Sơ đồ hạch toán

- Kế toán tổng hợp vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 4. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



- *Kế toán tổng hợp vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên liệu, vật liệu nhập kho bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá phải trả cho nhà cung cấp).

4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

4.2.1 Nội dung và tài khoản kế toán sử dụng

➤ *Nội dung*

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

- Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & = & \text{của NVL tồn} & + & \text{của NVL nhập} & - & \text{của NVL tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quây, bến bãi.

➤ *Tài khoản kế toán sử dụng*

Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng:

- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu. (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)
- TK 151 - Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)
- TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- + Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
- + Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

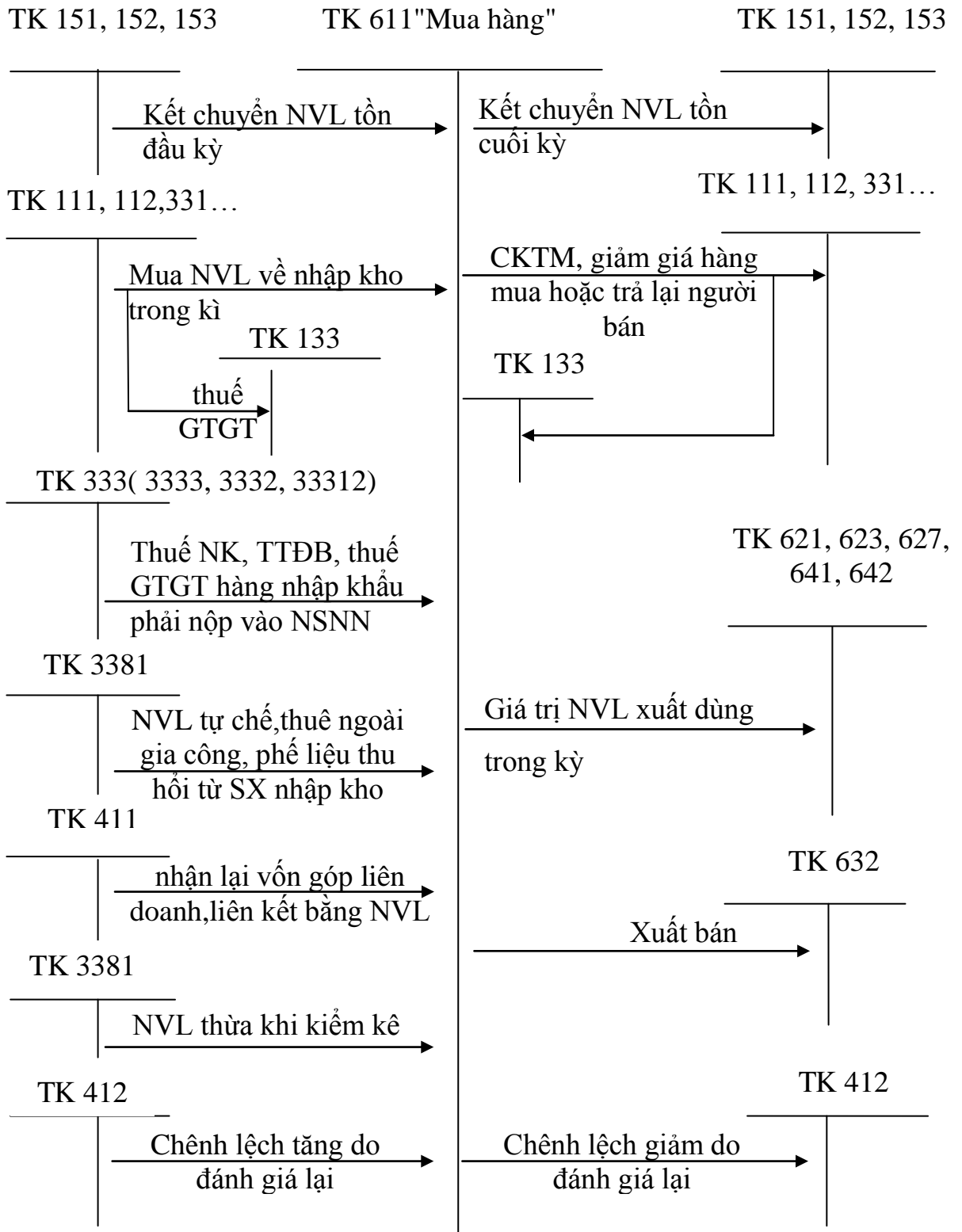
- + Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
- + Giá gốc nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
- + Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.
- Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6111: “Mua nguyên vật liệu”
 - + TK 6112: “Mua hàng hóa”

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng các tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK 642....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

4.2.2. Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 5: Sơ đồ kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.



4.3. Các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp

4.3.1. Hình thức Nhật ký chung

4.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái.
- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết.

4.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung (Sơ đồ 6)

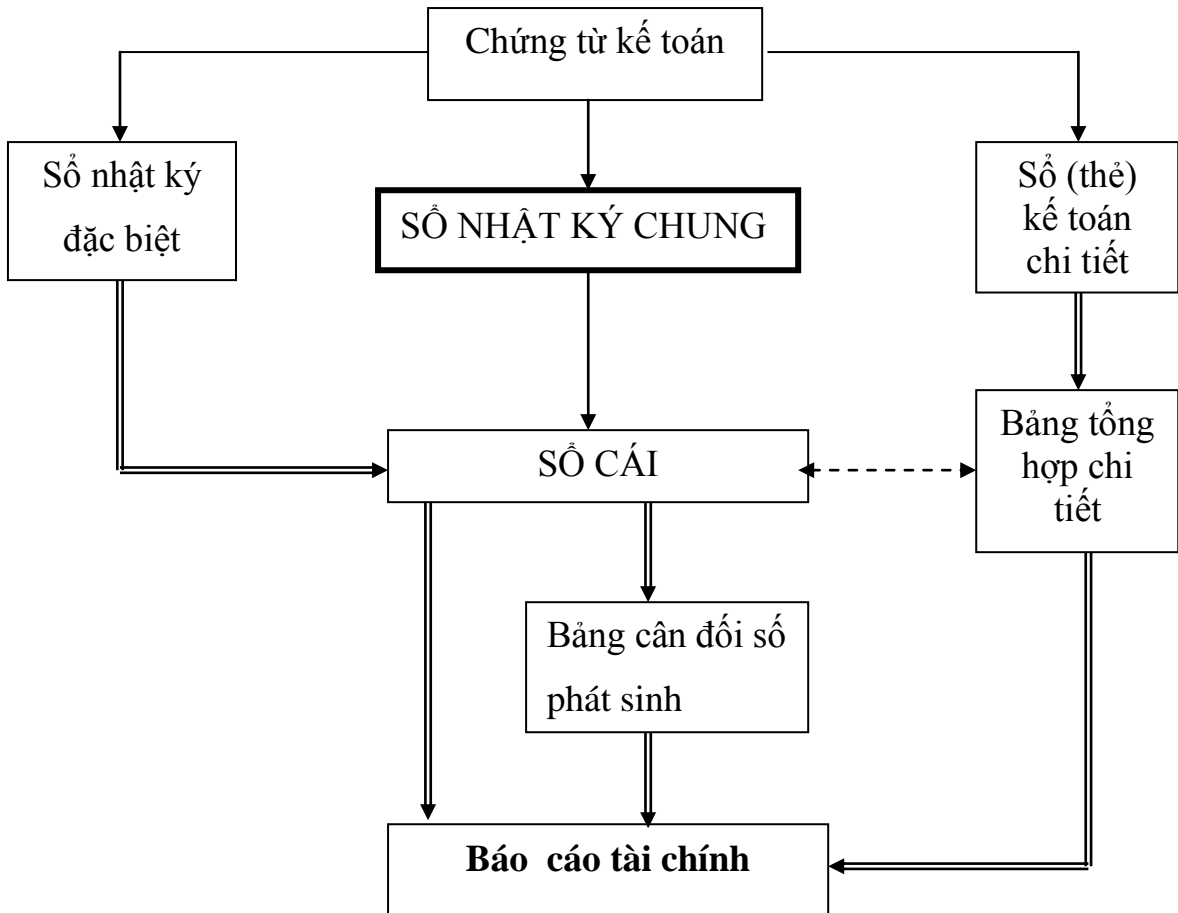
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng

Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

←-----> Đối chiếu kiểm tra

————> Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)

4.3.2 . Hình thức Nhật ký - Sổ cái

4.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán như sau :

- Nhật ký – Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

4.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái. (Sơ đồ 7)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

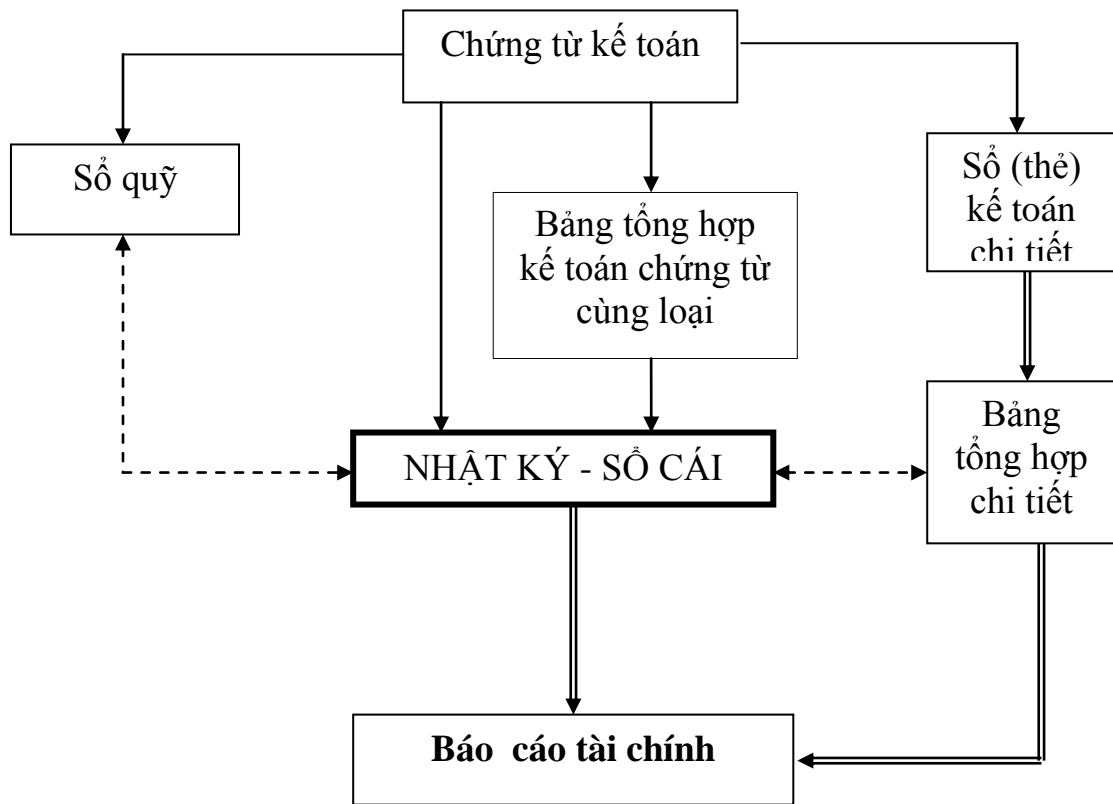
$$\begin{array}{rcl} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“phát sinh” ở phần} & = & \text{Nợ của tất cả} & = & \text{Có của tất cả} \\ \text{Nhật ký} & & \text{các tài khoản} & & \text{các tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra
- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng

4.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

4.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

4.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. (Sơ đồ 8)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

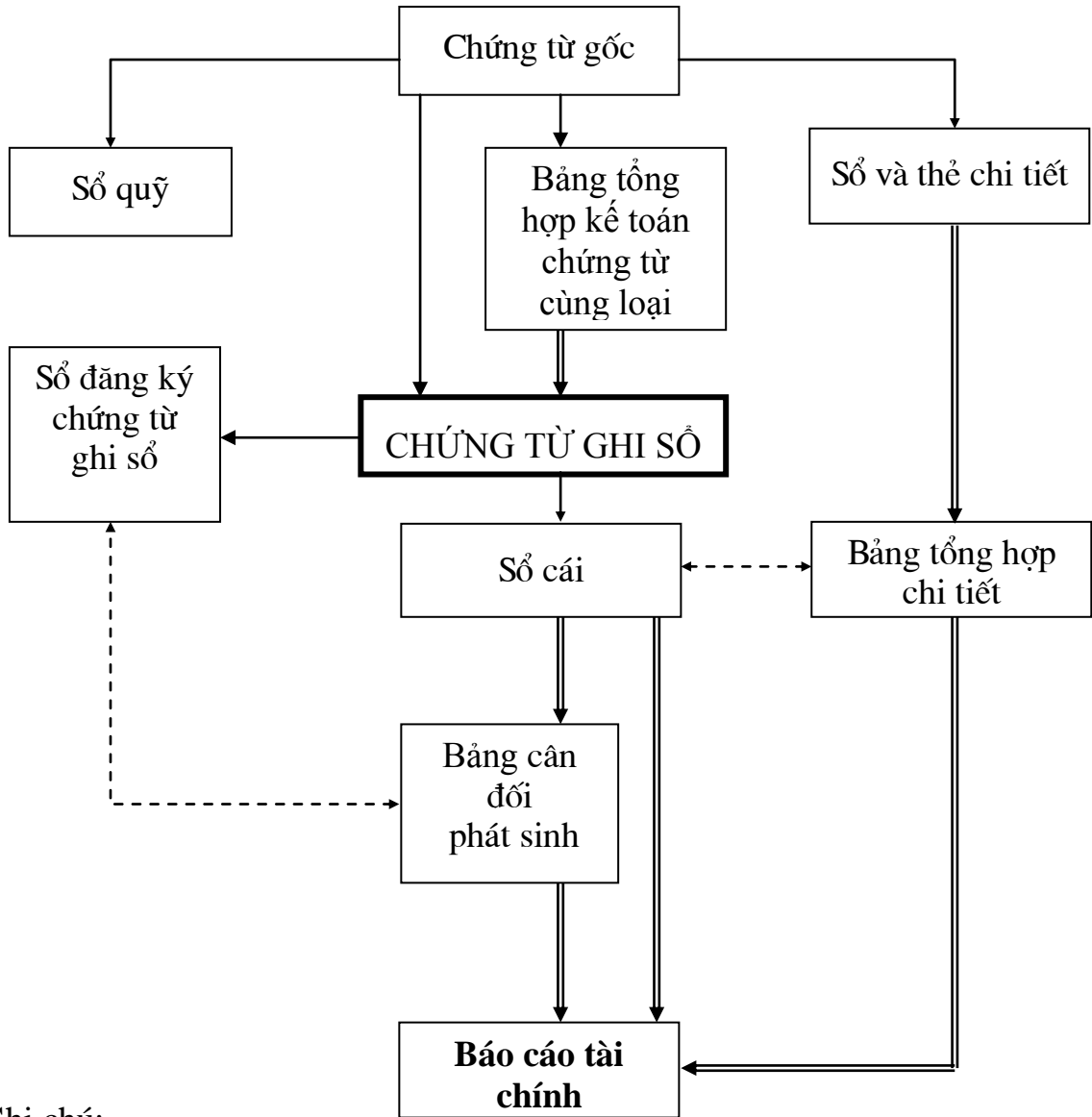
(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số

phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

←-----→ Đối chiếu kiểm tra

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng

4.3.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ

4.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết.

4.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ. (Sơ đồ 9)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi

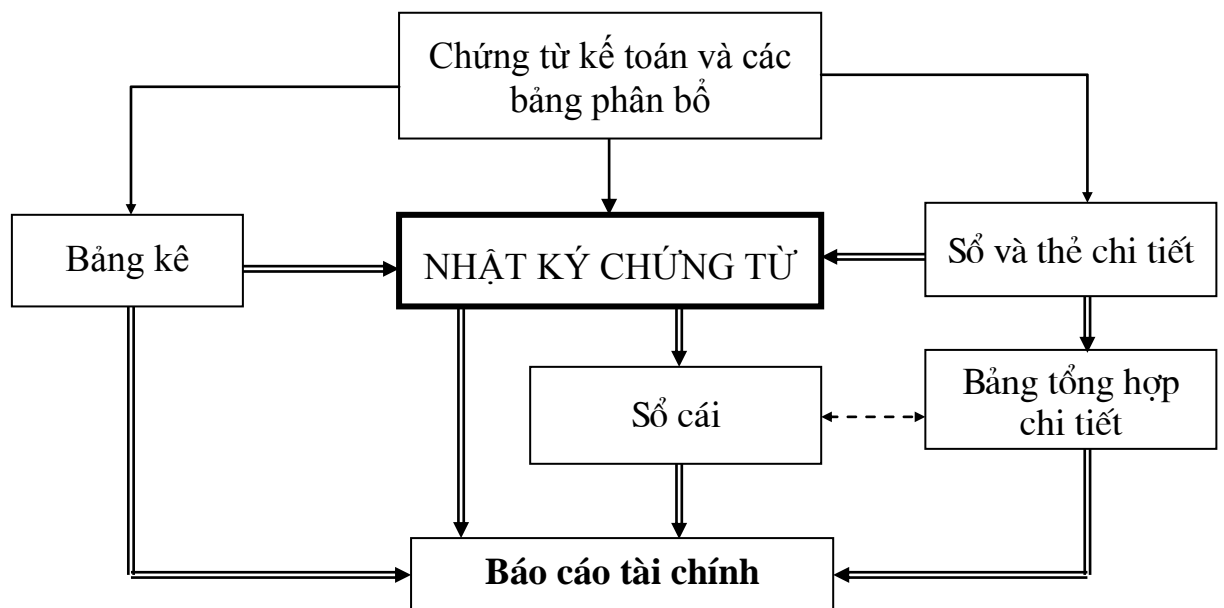
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra
- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng

4.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

4.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức Kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

4.3.5.2. Trình tự ghi sổ theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ 10)

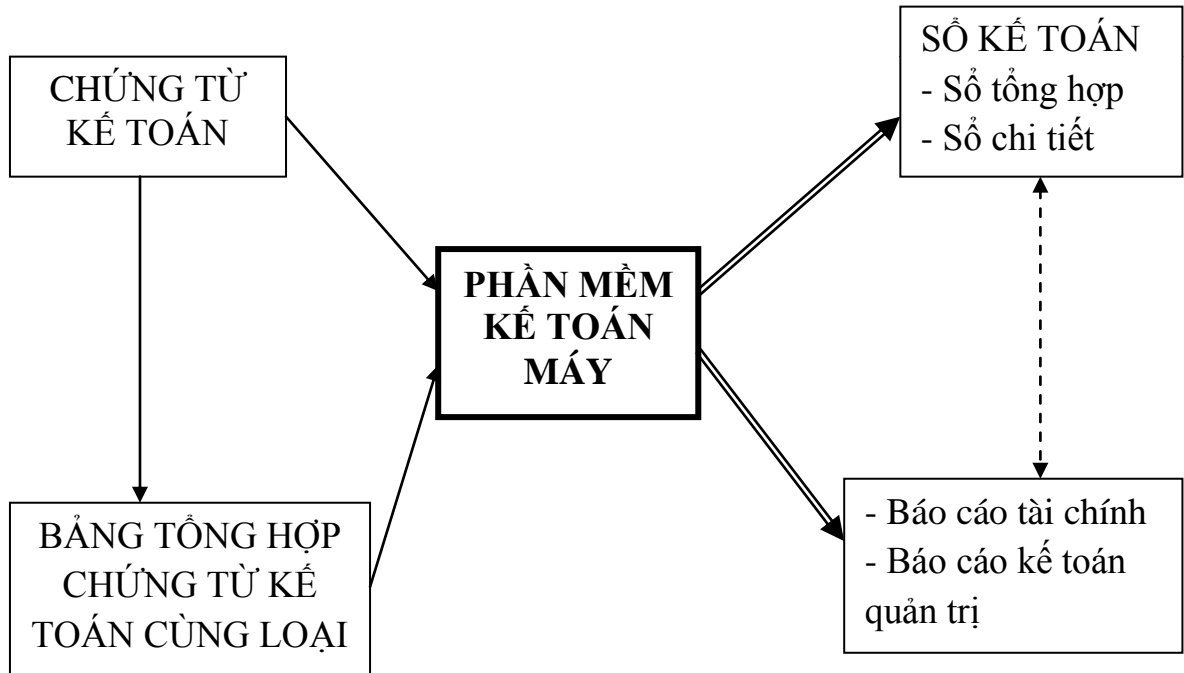
(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ==> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-.-.-> : Đối chiếu kiểm tra

Chương II

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ
XÂY DỰNG MINH VŨ.**

1. Đặc điểm tình hình chung tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

Tên giao dịch quốc tế: **Minh Vu construction and trading investment
joint stock company.**

Tên giao dịch viết tắt: **MINH VU CICO, JSC.**

Địa chỉ: Số 4/46, phố chợ Đôn, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng, chia thành 150.000 cổ phần

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Bùi Đặng Đức	52.500
2	Đặng Mạnh Hùng	45.000
3	Cao Xuân Thiệu	22.500
4	Nguyễn Đức Tiến	15.000
5	Hoàng Xuân Cường	15.000

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: Bùi Đặng Đức.

Chức danh: Giám đốc.

Mã số thuế: 0200818473.

Số tài khoản: 3211 0000 420 184 tại NH Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Số điện thoại: 0313 624 888

Fax: 0313 624 777

1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ là một công ty xây dựng. Nhiệm vụ của công ty là xây dựng, sửa chữa và cải tạo các công trình dân dụng và công nghiệp ở Việt Nam.

Tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Minh Châu được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0200818473. Để đáp ứng cho mục tiêu phát triển không ngừng, mở rộng quy mô sản xuất, năm 2011, Hội đồng thành viên của công ty đã quyết định đổi tên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Minh Châu thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ theo giấy phép cấp lại lần 1 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/03/2011.

Nội dung giấy phép bao gồm: các công việc như nề, mộc, bê tông, lắp đặt trang thiết bị điện, nước, công trình công nghiệp trang trí nội thất, xây dựng công trình dân dụng, các công trình có quy mô vừa và nhỏ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ đã tiến hành thi công và bàn giao nhiều công trình xây dựng với chất lượng tốt, bàn giao đúng tiến độ, giá cả hợp lý.

1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ hoạt động với chức năng cụ thể:

- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Các công trình bưu chính Viễn Thông
- Phá dỡ

- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt nhôm kính
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Buôn bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác công trình xây dựng: Nhôm kính
- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, thủy lợi.

1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

Trên bước đường phát triển, công ty có nhiều ưu thế hơn so với các công ty cùng địa bàn. Những ưu thế này đã giúp cho công ty có thể đứng vững trên thị trường. Một số thuận lợi có thể kể đến như :

- Công ty sử dụng nguồn vốn hợp lý, nguồn vốn ổn định và không có sự căng thẳng về vốn.
- Công ty đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến.
- Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, năng lực chuyên môn cao và đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề.
- Cơ chế chính sách chính phủ thông thoáng tạo điều kiện tốt cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Tuy có nhiều thuận lợi, nhưng công ty cũng gặp không ít khó khăn :

- Công ty mới thành lập, kinh nghiệm quản lý điều hành sản xuất kinh doanh còn bị hạn chế.
- Sự cạnh tranh gay gắt về sản phẩm xây dựng của các doanh nghiệp cùng ngành.

- Khó khăn của công ty là thiếu vốn để đầu tư khi tham gia đấu thầu những công trình yêu cầu vốn lớn. Vấn đề này dẫn đến khó khăn trong việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thị trường bất động sản đóng băng, công ty gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm cũng như trong thực hiện các công trình dở dang.

1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

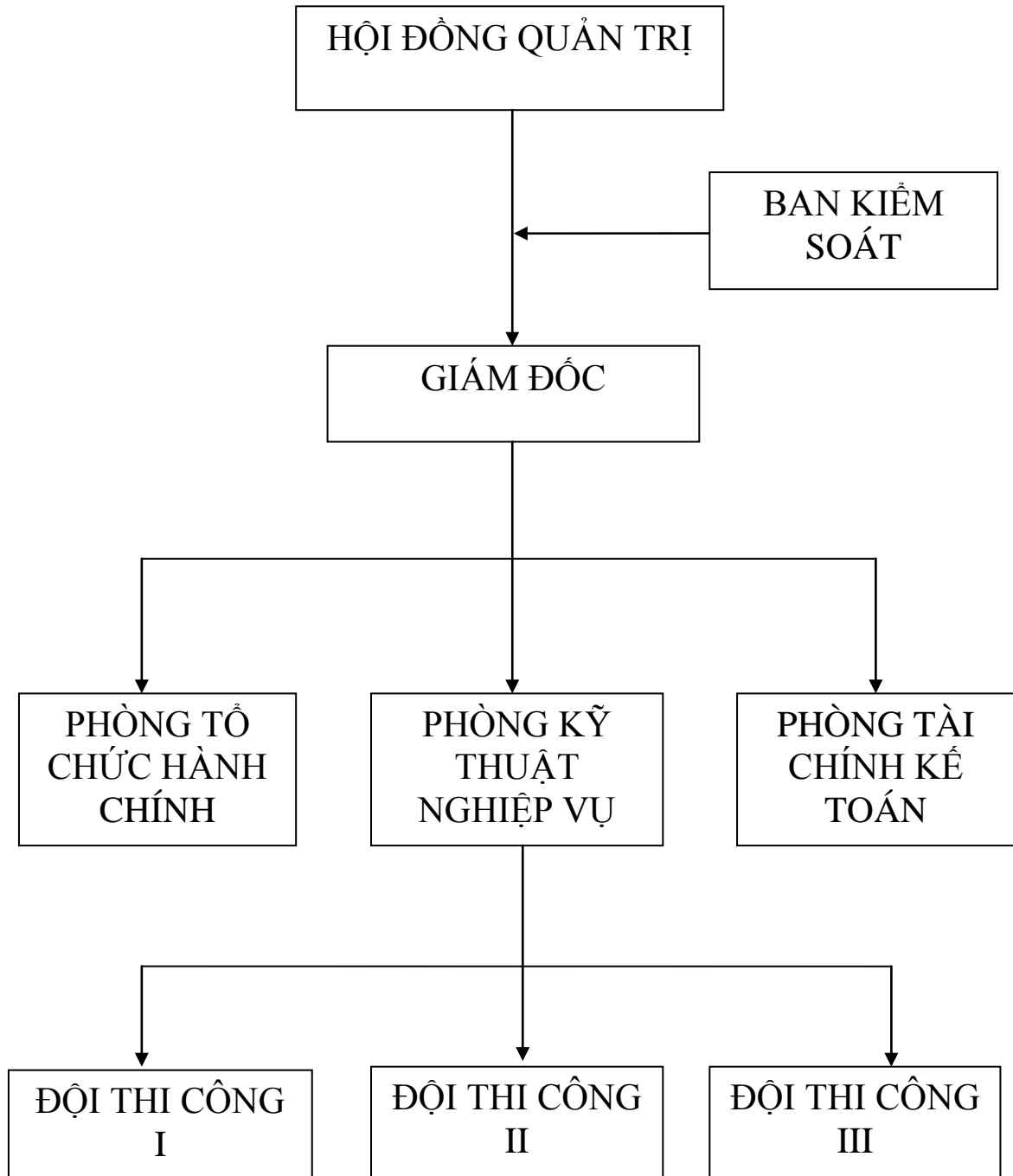
- **Chủ tịch hội đồng quản trị:** là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty, là người triệu tập và là chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông, là người giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- **Ban kiểm soát:** là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành của công ty. Ban kiểm soát có 6 thành viên do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Các kiểm soát viên tự đề cử thành viên làm trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là người đại diện cổ đông có cổ phần lớn của công ty.
- **Giám đốc:** là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp, là người theo sát và đảm bảo chiến lược đề ra, theo dõi lợi nhuận và chi phí; điều phối, củng cố và đánh giá dữ liệu tài chính và chuẩn bị các báo cáo đặc biệt.
- **Phòng tổ chức hành chính:** có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong Công ty thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên đảm bảo quyền lợi cho công nhân, sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khỏe của từng người.
- **Phòng kỹ thuật nghiệp vụ:** là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc trong lĩnh vực xây dựng và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch

đầu tư của công ty; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý kỹ thuật các công trình và quản lý theo dõi công tác hợp đồng kinh tế.

- **Phòng tài chính kế toán:** có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của đồng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh.
- **Các đội thi công:** trực tiếp thực hiện sản xuất và thực hiện tốt các công việc được giao từ cấp trên theo chuyên môn của mình, đồng thời hỗ trợ nhau trong công việc khi được điều động.

Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư

Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ



1.5. Tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

1.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

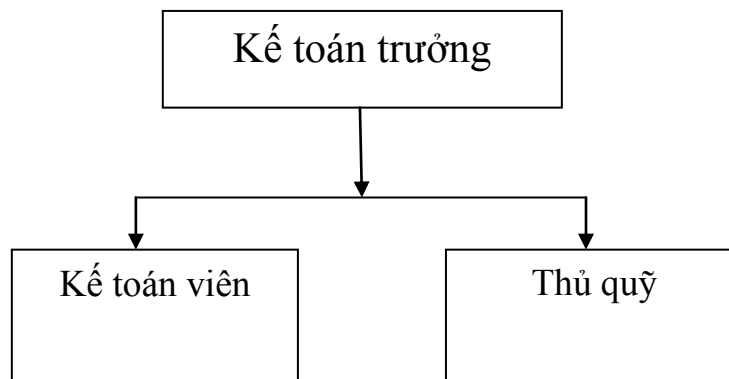
Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc những vấn đề liên quan đến tài chính, công tác hạch toán kế toán của công ty, quản lý, kiểm soát các thủ tục thanh toán, đề ra các biện pháp giúp công ty thực hiện các chỉ tiêu tài chính, định mức nhân sự cho phòng nhân sự.

Tổng hợp số liệu báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng tài sản đầu tư, tiền vốn và phân tích đánh giá hoạt động tài chính trong hoạt động sản xuất cũng như tiêu thụ.

Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, toàn diện mọi mặt hoạt động của công ty, cung cấp số liệu cần thiết cho các ban nghiệp vụ liên quan.

Công ty tiến hành tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung. Theo hình thức tổ chức này thì toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của công ty, các đội và xí nghiệp xây lắp trực thuộc không tổ chức bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập, kiểm tra chứng từ gửi về phòng tài chính kế toán của công ty. Bộ máy kế toán của công ty bao gồm 3 người được phân công công tác như sau:

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán ở doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ



➤ **Nhiệm vụ:**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ, tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.
- Nhân viên kế toán có nhiệm vụ theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua, theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, quản lý tình hình sử dụng TSCĐ, theo dõi khấu hao, tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả. Cuối tháng, lập bảng phân bổ rồi chuyển cho kế toán trưởng tập hợp chi phí và tính giá thành, đồng thời có nhiệm vụ thanh toán với người bán, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.
- Thủ quỹ có nhiệm vụ đảm bảo các hoạt động quản lý và thu chi trong các hoạt động giao dịch của công ty.

1.5.2 Đặc điểm chế độ kế toán tại công ty.

Hiện nay, công ty vận dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006, thông tư số 161/2007/TT – BTC ngày 31/12/2007 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Kỳ kế toán tháng: từ 01 tháng trước đến 01 tháng thực hiện.

Kỳ kế toán năm: từ 01/01 đến 31/12 năm thực hiện.

Hình thức sổ kế toán: hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng (VNĐ).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

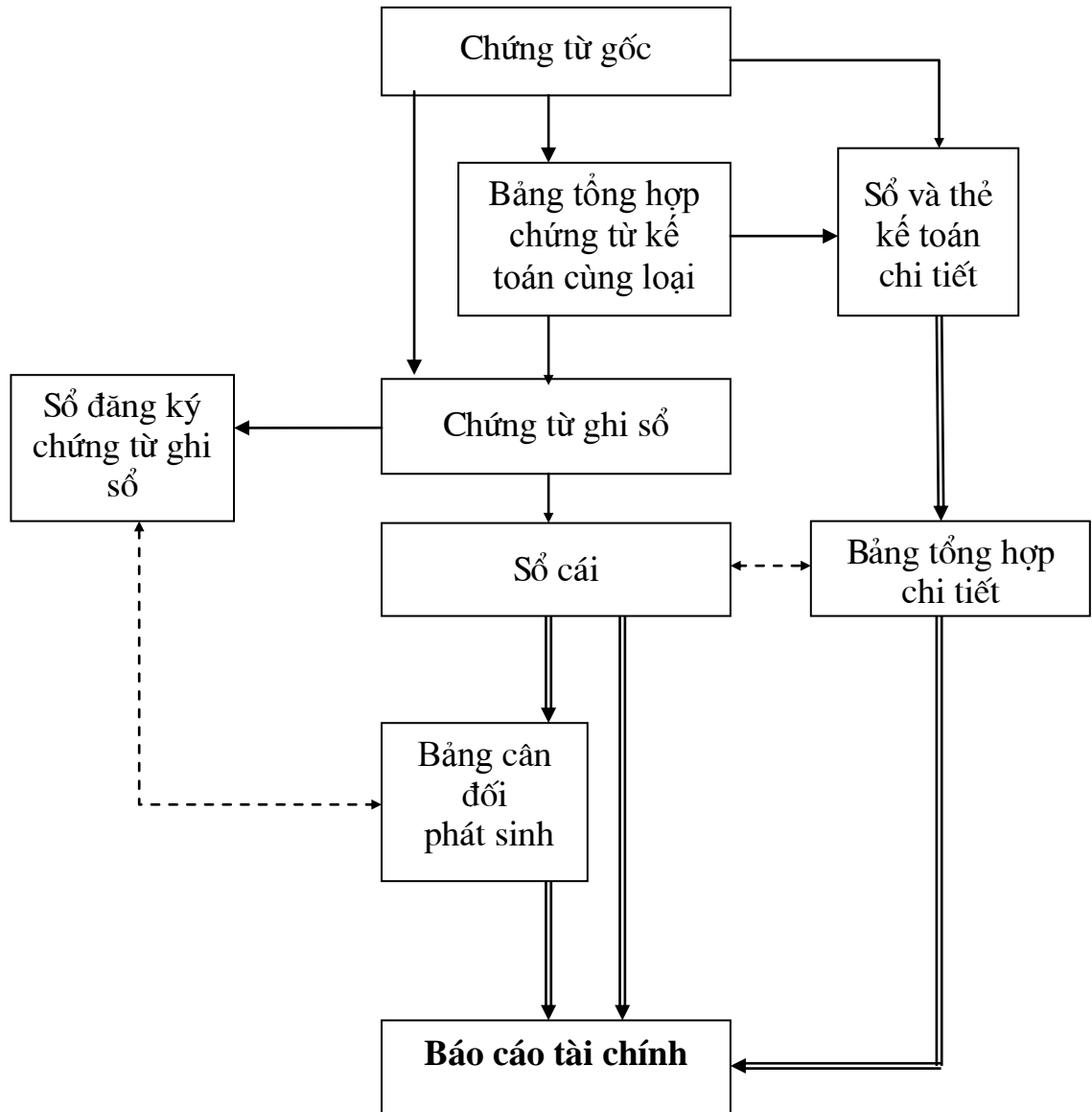
Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao đường thẳng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán ở Công ty CP Đầu tư Thương mại và

Xây dựng Minh Vũ.



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra
- Ghi hàng ngày, định kỳ
- =====> Ghi cuối tháng, cuối quý

➤ **Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

1. Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
2. Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kiểm kê tài sản, khoá sổ kế toán. Cuối quý, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.
3. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính:

- Bảng cân đối kế toán.
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2. Tình hình thực tế tổ chức kế toán vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

2.1.1 Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

Trong các doanh nghiệp, nguyên vật liệu bao gồm nhiều chủng loại khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng trong quá trình sản xuất và tính năng lý, hoá khác nhau. Do đó, để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết với từng chủng loại nguyên vật liệu phục vụ cho yêu cầu quản lý, doanh nghiệp cần tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo những tiêu thức phù hợp.

Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp, công ty đã tổ chức phân loại nguyên vật liệu dựa trên đặc thù hoạt động kinh doanh của mình.

2.1.2. Phân loại vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ

Tùy theo đặc thù của nguyên vật liệu mà công ty phân loại chúng ra thành từng nhóm để tiện cho quá trình quản lý và công tác hạch toán. Vì công ty hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng nên việc phân loại nguyên vật liệu rất đơn giản như sau:

+ **Nguyên vật liệu chính:** là những nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành hình thái cơ bản của sản phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ví dụ như : xi măng, sắt, thép, gạch, ngói, vôi ve, đá, gỗ...

+ **Nguyên vật liệu phụ :** là những nguyên vật liệu tham gia vào quá trình hoàn thiện sản phẩm. Ví dụ như : đá ốp lát, sơn....

+ **Nhiên liệu:** Là loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho các loại máy móc, xe cộ như xăng, dầu.

+ **Phụ tùng thay thế :** Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị mà công ty sử dụng bao gồm phụ tùng thay thế các loại máy móc, máy cày,

máy trộn bê tông và phụ tùng thay thế của xe ô tô như: các mũi khoan, xăm lớp ô tô.

+ **Phế liệu thu hồi:** bao gồm các đoạn thừa của thép, tre, gỗ không dùng được nữa, vỏ bao xi măng... Nhưng hiện nay công ty không thực hiện được việc thu hồi phế liệu nên không có phế liệu thu hồi.

2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng chất lượng sản phẩm cũng là cơ sở để tăng lợi nhuận của công ty thì việc quản lý chặt chẽ thu mua, vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật tư là rất quan trọng. Mặt khác, tổ chức tốt vật liệu cũng là một việc hết sức quan trọng, sẽ hạn chế hư hỏng, hao hụt, giảm bớt những rủi ro thiệt hại trong sản xuất. Do vậy, công ty bảo quản vật liệu trong hai kho theo mỗi công trình nhằm giữ cho vật liệu không bị hao hụt thuận lợi cho việc tiến hành thi công xây dựng. Vì vậy, các kho bảo quản phải khô ráo, tránh ô xy hoá vật liệu các kho có thể chứa các chủng loại vật tư giống hoặc khác nhau. Riêng các loại cát, sỏi, đá vôi được đưa thẳng tới công trình. Công ty xác định mức dự trữ cho sản xuất, định mức hao hụt, hợp lý trong quá trình vận chuyển bảo quản dựa trên kế hoạch sản xuất do phòng kỹ thuật nghiệp vụ đưa ra.

Yêu cầu đối với thủ kho ngoài những kiến thức ghi chép ban đầu, còn phải có những hiểu biết nhất định các loại nguyên vật liệu của ngành xây dựng cơ bản để kết hợp với kế toán vật liệu ghi chép chính xác việc nhập, xuất bảo quản nguyên vật liệu trong kho.

2.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật tư.

2.2 Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

2.2.1 Tính giá nhập kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của công ty nhập kho hoàn toàn là mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh nên :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chiết khấu TM,} & & \text{CP} \\ \text{nhập kho} & = & \text{ghi trên} & - & \text{giảm giá} & + & \text{thu} \\ & & \text{hóa đơn} & & \text{hàng mua} & & \text{mua} \end{array}$$

Vì công ty áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT nên giá mua là giá chưa có thuế. Chi phí thu mua gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí thuê kho bãi, chi phí kiểm nhận nhập kho...

Ví dụ 1: Ngày 02/03/2012, mua của công ty TNHH Vân Bình 20 tấn Xi măng PCB40 theo giá hóa đơn GTGT số 0009428 ngày 02/03/2012. Giá mua trên hóa đơn 1.123.650 đồng/ tấn (giá mua chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Giao vật tư tới tận chân công trình với chi phí vận chuyển là 30.000 đồng/ tấn (giá chưa bao gồm thuế GTGT 5%) theo hóa đơn GTGT 0009429.

Như vậy:

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế của vật liệu nhập kho} &= 20 \times 1.123.650 + 20 \times 30.000 \\ &= 22.473.000 + 600.000 = 23.073.000 \end{aligned}$$

2.2.2 Tính giá xuất kho nguyên vật liệu.

Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Theo phương pháp này phải xác định được đơn giá nhập kho thực tế của từng lần nhập. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất kho tính giá thực tế xuất kho theo nguyên tắc và tính theo giá thực tế nhập trước đối với lượng xuất kho thuộc lần nhập trước. Số còn lại (tổng số xuất kho - số xuất thuộc lần nhập trước) được tính theo đơn giá thực tế các lần

nhập sau. Như vậy giá thực tế của vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế của vật liệu nhập kho thuộc các lần mua vào sau cùng.

Ví dụ 2:

Tình hình biến động Xi măng PCB40 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ tháng 3 năm 2012 như sau:

- Tồn đầu kỳ : 10 tấn – đơn giá 1.123.650 đồng/ tấn
- Ngày 02/03 nhập kho 20 tấn – đơn giá 1.153.650 đồng/ tấn theo PN02/03
- Ngày 05/03 xuất kho 20 tấn theo PX 01/03
- Ngày 15/03 xuất kho 10 tấn theo PX 12/03
- Ngày 20/03 nhập kho 30 tấn – đơn giá 1.143.000 đồng/ tấn theo PN22/03
- Ngày 23/03 xuất kho 20 tấn theo PX 25/03

Như vậy, giá trị xi măng xuất dùng trong tháng 3/2012 là :

- Ngày 05/03 = $10 \times 1.123.650 + 10 \times 1.153.650 = 22.773.000$
- Ngày 15/03 = $10 \times 1.153.650 = 11.536.500$
- Ngày 23/03 = $20 \times 1.143.000 = 22.860.000$

2.3. Chế độ chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

2.3.1 Thực trạng vận dụng chế độ chứng từ kế toán nguyên vật liệu.

Việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Minh Vũ luôn dựa trên một hệ thống đầy đủ các chứng từ gốc chứng minh cho tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, bao gồm :

- Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa (mẫu 03 – VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa (mẫu 05 – VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu (mẫu 07 – VT)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.3.2 Thực trạng vận dụng chế độ tài khoản kế toán nguyên vật liệu.

- Tài khoản 152 – “ Nguyên vật liệu”

Tài khoản 152 mở chi tiết thành tài khoản cấp 2, cấp 3 để kế toán chi tiết từng loại nguyên vật liệu phù hợp với cách phân loại và yêu cầu kế toán ở công ty.

- Tài khoản 151 – “ Hàng mua đang đi đường”
- Tài khoản 331 – “ Phải trả người bán”
- Tài khoản 336 – “ Phải trả nội bộ”

Ngoài ra, công ty còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như :
TK 111, 112, 141, 133, 311.....

DANH MỤC VẬT TƯ - HÀNG HÓA

Ký hiệu		Mã vật tư	Tên vật tư	ĐV T	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm VL				
152.1			NVL chính		
152.1.01	152.1.01.01	DA1x2	Đá 1 x 2	m3	
	152.1.01.02	DA2x4	Đá 2 x 4	m3	
152.1.02	152.1.02.01	Td18	Thép d18	kg	
	152.1.02.02	Td16	Thép d16	kg	
		
152.1.06	152.1.06.01	XM40	Xi măng PCB30	tấn	
	152.1.06.02	XM30	Xi măng PCB40	tấn	
152.2			Vật liệu phụ		
152.2.01	152.2 .01.01	TON8L	Tôn 8 ly	kg	
	152.2.01.02	TON3L	Tôn 3 ly	kg	
		
152.3			Nhiên liệu		
152.4			Phụ tùng thay thế		
152.5			Phế liệu thu hồi		

2.3.3 Thực trạng vận dụng chế độ sổ sách kế toán nguyên vật liệu tại công ty

- Đề hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thì hiện nay công ty Minh Vũ đang sử dụng các loại sổ thẻ chi tiết sau :
 - Thẻ kho (Mẫu S12 – DN)
 - Sổ kế toán chi tiết vật liệu (Mẫu S10 – DN)
 - Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu (Mẫu S11 – DN)
- Đề hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu thì hiện nay hệ thống sổ công ty đang sử dụng bao gồm :
 - Chứng từ ghi sổ (Mẫu S02a – DN)
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu S02b – DN)
 - Sổ cái TK 152 (Mẫu S02c1 – DN)

2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây Dựng Minh Vũ.

2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại vật liệu về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung cấp, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho,... được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại... để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kỹ thuật nghiệp vụ có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, chứng từ ghi sổ...

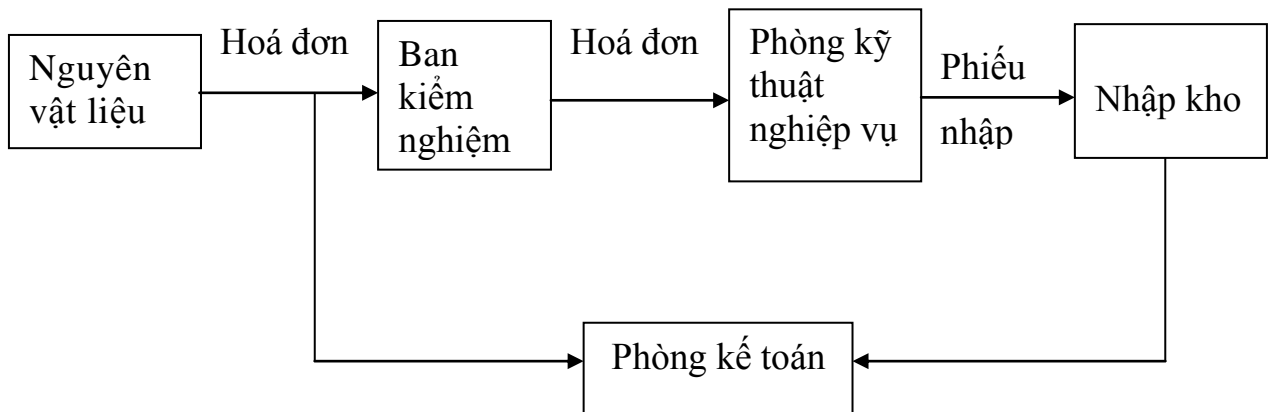
Nhận được thông báo hàng đã về tới công ty, cần kiểm tra hàng trước khi nhập kho, cán bộ phụ trách kỹ thuật, thủ kho và người của phòng kỹ thuật nghiệp vụ sẽ bố trí kiểm tra và kết quả kiểm tra sẽ được ghi vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 2) sau đó phòng kỹ thuật nghiệp vụ tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 3) giao cho thủ kho. Phiếu nhập kho gồm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại gốc (phòng kỹ thuật nghiệp vụ, nơi lập phiếu)
- Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho, sau đó sẽ giao lại cho phòng kế toán.
- Liên 3: Giao cho đơn vị giao hàng để thanh toán.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hóa đơn GTGT, các chứng từ liên quan để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT...hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, kế toán lập chứng từ ghi sổ.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 7).

Sơ đồ 2.4: Thủ tục nhập kho tại Công ty Minh Vũ



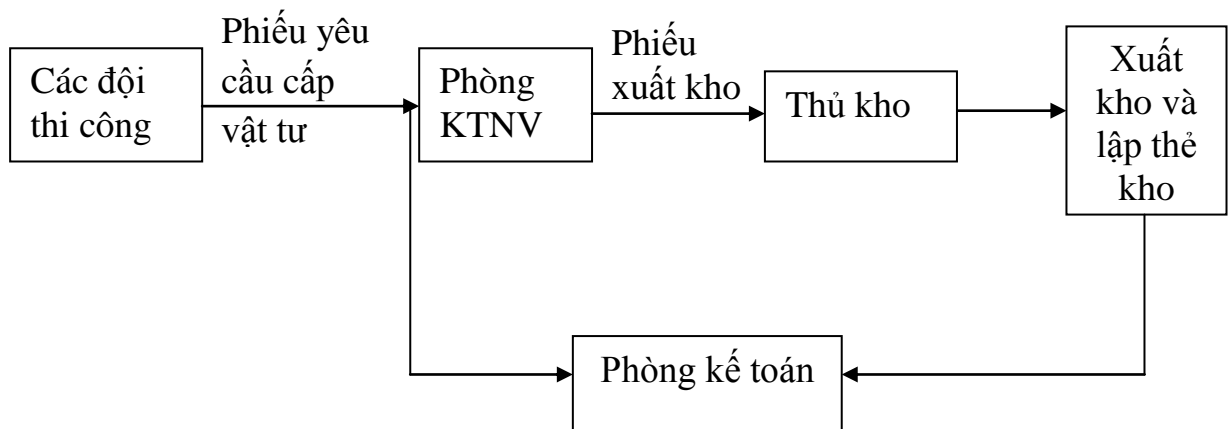
2.4.2 Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho xây dựng. Khi các đội xây dựng có nhu cầu về nguyên vật liệu thì sẽ viết Phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 4) chuyển cho phòng kỹ thuật nghiệp vụ được biết. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, tình hình sản xuất, phòng kỹ thuật sẽ lập Phiếu xuất kho (Biểu số 5), sau đó giao cho người trong đội thi công đi lĩnh nguyên vật liệu ở kho. Căn cứ để tiến hành thủ tục xuất kho là hạn mức tiêu hao vật liệu của từng công trình ở từng đội thi công. Hạn mức này do phòng kỹ thuật tính, sau đó được chuyển sang các đội thi công. Căn cứ vào đó để viết phiếu xuất kho, số lần xuất không hạn chế, nhưng số lượng xuất không vượt quá hạn mức quy định. Phiếu xuất kho gồm 3 liên :

- Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng kỹ thuật, nơi lập phiếu.
- Liên 2: Thủ kho dùng để ghi thẻ kho và sau đó giao cho phòng kế toán.
- Liên 3: Giao cho người nhận hàng để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Phiếu xuất kho sau khi đưa về phòng kế toán, kế toán viên kiểm tra lại và hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá”, “Thành tiền”. Để tính được đơn giá xuất kho cho từng phiếu xuất, kế toán sử dụng phương pháp “Nhập trước - Xuất trước”, nhưng trước tiên căn cứ vào số lượng thực xuất trên phiếu xuất kho để ghi vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu, sau đó căn cứ vào đơn giá xuất tính được trên sổ chi tiết để ghi vào phiếu xuất kho.

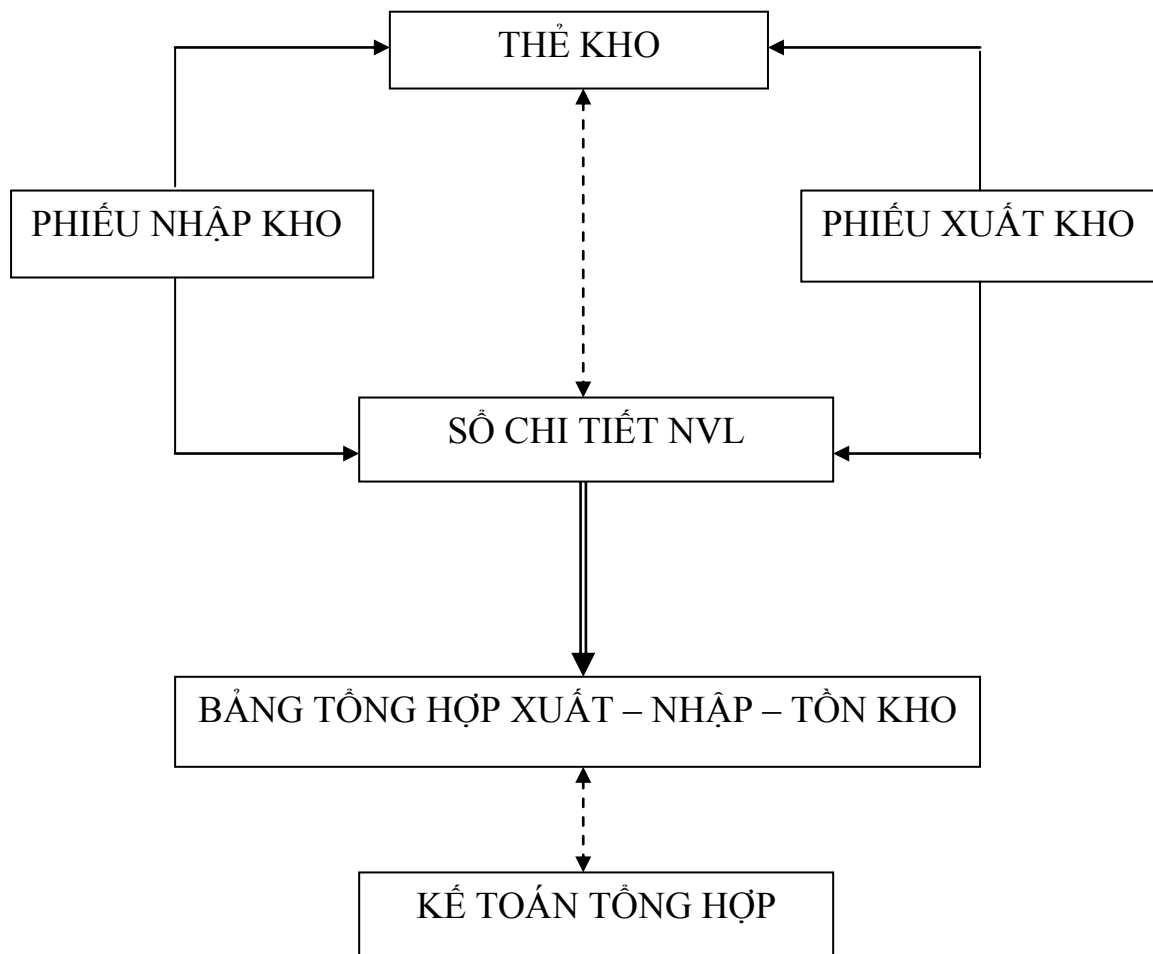
Sơ đồ 2.5: Thủ tục xuất kho tại Công ty Minh Vũ



2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là bộ phận quan trọng trong công tác tổ chức kế toán. Hiện nay, việc hạch toán chi tiết tại Công ty Minh Vũ được tiến hành đồng thời tại phòng kế toán và kho. Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng là phương pháp ghi thẻ song song.

Sơ đồ 2.6: Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - - - → Đối chiếu kiểm tra

- Ở kho:

Thủ kho sử dụng thẻ kho (Biểu số 6) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho (liên 2) thủ kho ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau kho được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng Sổ kế toán chi tiết (Biểu số 7) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Định kỳ, kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT (của người bán), các chứng từ khác liên quan để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho. Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 02/03 công ty nhận được hóa đơn của Công ty TNHH Vân Bình
Biểu số 1.1 Hóa đơn GTGT số 0009428

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/11P		
Ngày 02 tháng 03 năm 2012			Số: 0009428		
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Vân Bình.....					
Mã số thuế : 0200664262.....					
Địa chỉ : Số 8, tổ 2, Khu 2 Quán Toán, Hồng Bàng, HP					
Họ tên người mua hàng: Công ty CP đầu tư TM và XD Minh Vũ.....					
Mã số thuế: 0200818473					
Địa chỉ : Số 4/46- Nghĩa Xá- Lê Chân- Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : ..Chưa thanh toán.....					
ST T	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(A)	(B)	(C)	1	2	3
1	Xi măng PCB40	tấn	20	1.123.650	22.473.000
Cộng tiền hàng					22.473.000
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT		2.247.300
Tổng cộng tiền thanh toán					24.720.300
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tư triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm đồng./					
Người mua hàng (Ký và họ tên)		Người bán hàng (Ký và họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký và họ tên)	

(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1.2 Hóa đơn GTGT số 0009429

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 02 tháng 03 năm 2012		Số: 0009429			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Vân Bình.....					
Mã số thuế : 0200664262.....					
Địa chỉ : Số 8, tổ 2, Khu 2 Quán Toán, Hồng Bàng, HP					
Họ tên người mua hàng: Công ty CP đầu tư TM và XD Minh Vũ.....					
Mã số thuế: 0200818473					
Địa chỉ : Số 4/46- Nghĩa Xá- Lê Chân- Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : ..Chưa thanh toán.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(A)	(B)	(C)	1	2	3
1	Chi phí vận chuyển	tấn	20	30.000	600.000
Cộng tiền hàng					600.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT			30.000
Tổng cộng tiền thanh toán					630.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi nghìn đồng./					
Người mua hàng (Ký và họ tên)		Người bán hàng (Ký và họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký và họ tên)	

(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi nguyên liệu về, phòng kỹ thuật làm thủ tục kiểm tra chất lượng và ghi kết quả kiểm tra vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Biểu số 2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Và Xây dựng Minh Vũ Bộ phận : Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ	Mẫu số : 03 - VT <i>(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC</i> <i>Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)</i>					
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ Ngày 02 tháng 03 năm 2012 Số 19/KTKT						
Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009428 của công ty TNHH Vân Bình						
Ban kiểm nghiệm gồm có :						
- Ông : Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng ban					
- Ông : Phạm Văn Hiến	Ủy viên					
- Ông : Quách Văn Hà	Ủy viên					
Đã kiểm nghiệm vật tư sau :						
TT	Tên hàng hóa, kí mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	SL vật tư đúng quy cách phẩm chất	SL vật tư không đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	1	2	3	4
1	Xi măng PCB40	tấn	20	20	0	
Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đủ tiêu chuẩn nhập kho.						
Cán bộ mua vật tư <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>	Thủ kho <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>	Trưởng ban <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>				

(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng kỹ thuật nghiệp vụ lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

Biểu số 3 : Phiếu nhập kho xi măng PN 02/03

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại		Mẫu số : 01 - VT					
Và Xây dựng Minh Vũ		<i>(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC</i>					
<i>Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP</i>		<i>Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)</i>					
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 02 tháng 03 năm 2012		Nợ TK 152					
Số : 02/03		Có TK 331					
Họ và tên người giao hàng: Dương Hải Châu							
HD số 0009428 ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Cty TNHH Vân Bình							
Nhập vào kho : Kho 1 - Công ty CPĐTTM và XD Minh Vũ							
ST T	Tên vật tư hàng hóa	Mã vật tư (C)	ĐV T (D)	Số lượng		Đơn giá 3	Thành tiền 4
				Theo CT 1	Thực nhập 2		
(A)	(B)	(C)	(D)	1	2	3	4
1	Xi măng PCB40	XM40	tấn	20	20	1.153.650	23.073.000
Cộng							23.073.000
-Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng./							
-Số chứng từ gốc kèm theo: hóa đơn GTGT số 0009428 và 0009429.							
				<i>Ngày 02 tháng 03 năm 2012</i>			
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>			

(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhập kho xong, thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và cùng người giao hàng ký vào phiếu, thủ kho giữ liên 2 để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho phòng kế toán. Khi nhận được Phiếu nhập kho, căn cứ vào HĐ GTGT, kế toán ghi “Đơn giá”, “Thành tiền” và định khoản kế toán.

Ví dụ 3 : Ngày 04/03 các đội thi công có nhu cầu nhập xi măng để thi công công trình, phiếu yêu cầu cấp vật tư được lập như sau:

Biểu số 4 : Phiếu đề nghị cấp vật tư

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Và Xây dựng Minh Vũ <i>Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP</i>					
PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ <i>V/v: thi công công trình</i>					
Tên công trình: Trồng cột bê tông khu vực đài viễn thông An Lão.					
Địa chỉ : xã Dân Tân, An Lão, Hải Phòng.					
Người nhận : Nguyễn Văn Hiệu (Đội thi công số 1)					
STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xi măng PCB40	XM40	tấn	20	
Hải Phòng, ngày 04 tháng 03 năm 2012 Đội thi công số 1					

Ngày 05/03, thủ kho tiến hành xuất kho theo phiếu đề nghị cấp vật tư đã được duyệt ngày 04/03/2012 số vật tư để phục vụ thi công công trình.

Biểu số 5 : Phiếu xuất kho xi măng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại

Mẫu số : 02 - VT

Và Xây dựng Minh Vũ

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nợ TK 621

Số : 01/03

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hiệu.

Lý do xuất kho: phục vụ công trình.

Xuất kho tại: kho công trình....

ST T	Tên vật tư hàng hóa	Mã vật tư (C)	Đơn vị tính (D)	Số lượng		Đơn giá (3)	Thành tiền (4)
				Yêu cầu (1)	Thực xuất (2)		
(A)	(B)	(C)	(D)	1	2	3	4
1	Xi măng PCB40	XM40	tấn	20	10	1.123.650	11.236.500
					10	1.153.650	11.536.500
Cộng							22.773.000

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng./

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 phiếu đề nghị cấp vật tư

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

* Chỉ tiêu “Đơn giá”, “Thành tiền” đã được tính trong Ví dụ 2 trang 48.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi lập phiếu xong, người lập phiếu và kế toán trưởng ký rồi chuyển cho giám đốc hoặc người được ủy quyền duyệt (ghi rõ họ tên) giao cho người nhận cầm phiếu xuống kho để nhận hàng. Sau khi xuất kho, thủ kho ghi vào Cột 2 số lượng thực xuất của từng loại vật liệu, ghi ngày, tháng, năm xuất kho và ký tên vào phiếu xuất (ghi rõ họ tên).

Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho Xi măng PCB40 trong tháng 3/2012, thủ kho ghi thẻ kho mặt hàng Xi măng PCB40 (Biểu số 6). Sau đó gửi phiếu nhập kho, phiếu xuất kho đó cho kế toán để ghi sổ chi tiết vật tư (Biểu số 7).

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với số trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu ở trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để ghi vào “ Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu ” (Biểu số 8). Mục đích lập bảng này là để đối chiếu số liệu giữa bảng với số liệu trên sổ cái TK 152 nhằm kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ
Kho công trình

Mẫu số : S12 - DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tờ số: 24

Hạng mục công trình: “ Trồng cột bê tông khu vực đài viễn thông An Lão”

Tên vật tư: Xi măng PCB40

Đơn vị tính: tấn

TT	Chứng từ			Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của KT
	NT	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	1	2	3	(G)
	29/02			<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>10</u>	
1	02/03	PN 02/03		Nhập kho vật liệu	02/03	20		30	
2	05/03		PX 01/03	Xuất kho vật liệu	05/03		20	10	
3	15/03		PX 12/03	Xuất kho vật liệu	15/03		10	0	
4	20/03	PN 22/03		Nhập kho vật liệu	20/03	30		30	
5	23/03		PX 25/03	Xuất kho vật liệu	23/03		20	10	
				Tổng		50	50		
				<u>Tồn cuối kỳ</u>				<u>10</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 6 : Thẻ kho của xi măng PCB40
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số : S10 - DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Từ ngày 01/03/2012 tới ngày 31/03/2012

Tên vật tư: Xi măng PCB40

Tài khoản : 152 (152.1.06.02)

Đơn vị tính: tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Tồn đầu kỳ		1.123.650					10	11.236.500	
PN02/03	02/03	Mua nhập kho	331	1.153.650	20	23.073.000			30	34.309.500	
PX01/03	05/03	Xuất để thi công	621	1.123.650			10	11.236.500	20	23.073.000	
			621	1.153.650			10	11.536.500	10	11.536.500	
PX12/03	15/03	Xuất để thi công	621	1.153.600			10	11.536.500	0	0	
PN22/03	20/03	Mua nhập kho	112	1.143.000	30	34.290.000			30	34.290.000	
PX25/03	23/03	Xuất để thi công	621	1.143.000			20	22.860.000	10	11.430.000	
		Cộng tháng			50	57.363.000	50	57.169.500	×	×	
		Tồn cuối kỳ							10	11.430.000	

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 7 : Sổ chi tiết xi măng PCB40
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ**
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số : S10 - DN
*(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)*

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

Từ ngày 01/03/2012 tới ngày 31/03/2012

Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
152.1									
Xi măng	tấn	10	11.236.500	50	57.363.000	50	57.169.500	10	11.430.000
Thép d18	kg	1.000	14.770.000	6.200	100.731.400	6.000	96.005.000	1.200	19.496.400
Thép d16	kg	200	2.954.000	5.600	90.983.200	5.000	80.939.600	800	12.997.600
.....
152.2									
Sơn xanh	kg	500	6.000.000	10	1.150.000	400	4.800.000	110	2.350.000
.....
152.3	lít	600	6.000.000	3.000	29.850.000	2.700	26.870.000	900	8.980.000
.....
152.4		50	6.500.000	10	1.400.000	40	5.200.000	20	2.700.000
.....
Tổng			542.365.000		1.968.814.000		1.762.930.000		748.249.000

Biểu số 8: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) tháng 3/2012

(Nguồn số liệu trích Phòng tài chính kế toán)

2.6 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty Minh Vũ sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

- **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

- **Tài khoản sử dụng**

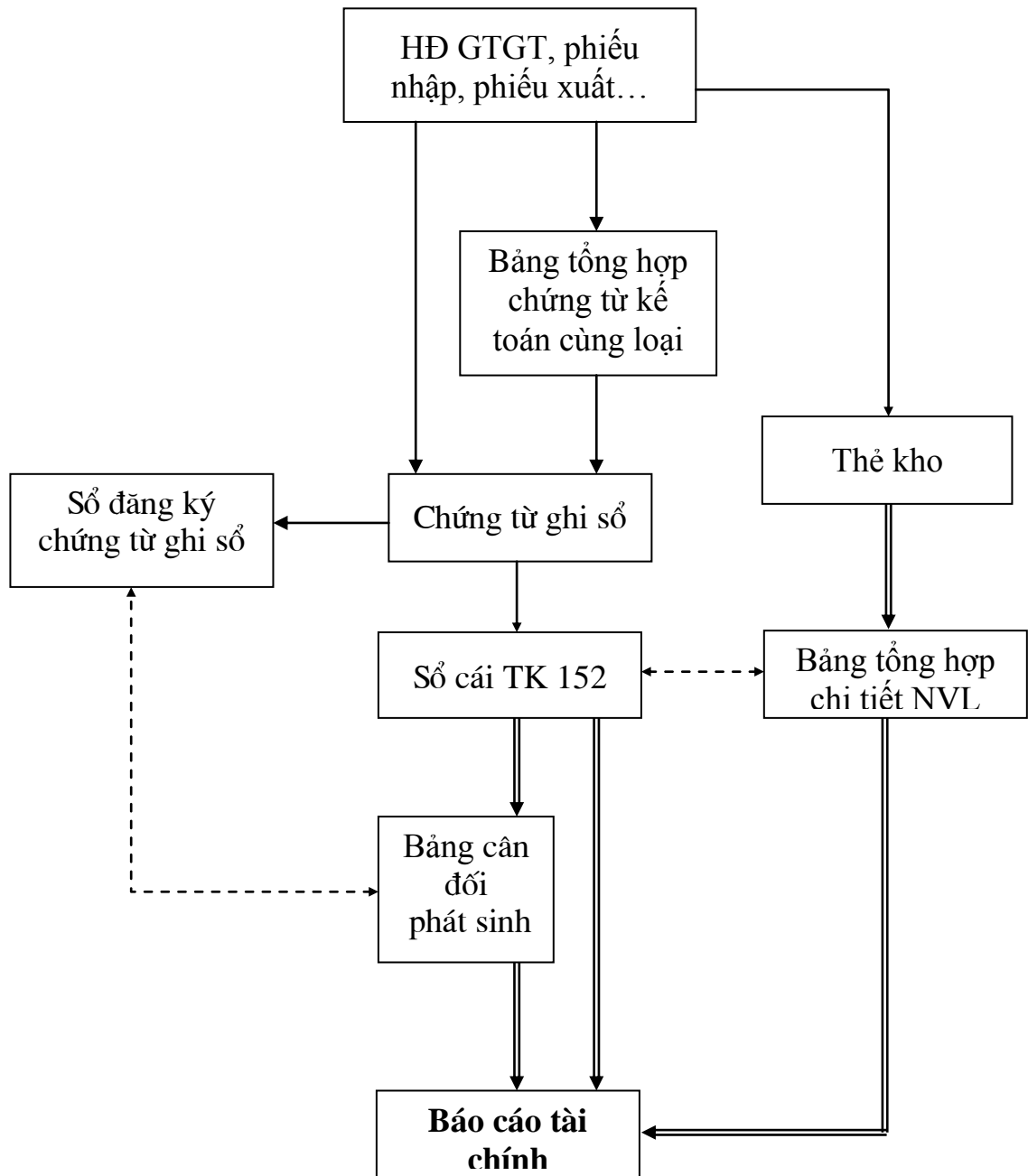
- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 112, TK 331, TK 133, TK 621, TK 627...

- **Quy trình hạch toán**

Căn cứ vào các chứng từ gốc (HĐ GTGT, PN, PK,...) hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đã được kiểm tra, kế toán lập chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán có liên quan.

Cuối tháng hoặc cuối quý kế toán phải khóa sổ tài khoản, tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tổng phát sinh Nợ, tổng phát sinh Có và số dư của các tài khoản trên sổ cái TK 152. Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 152 và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Minh Vũ



Ghi chú:

- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra
- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- =====> Ghi cuối tháng, cuối quý

2.6.1 Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

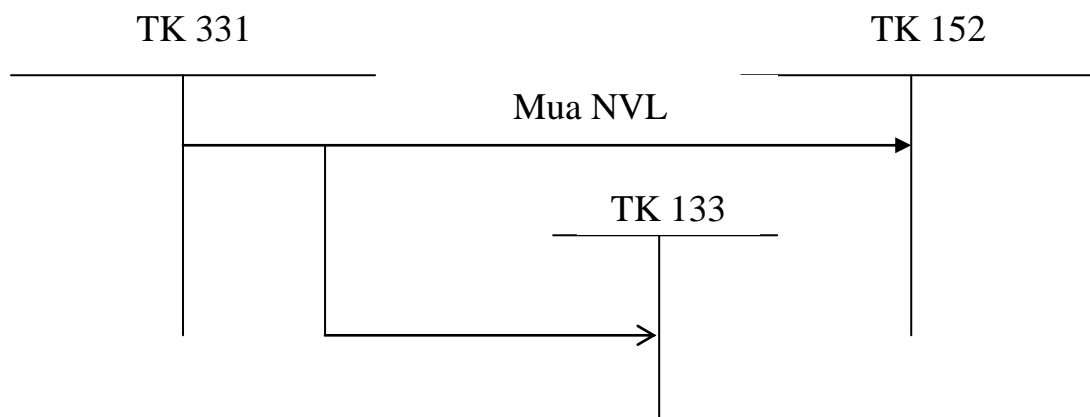
Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Cụ thể công việc hạch toán tổng hợp nhập được thực hiện như sau:

2.6.1.1. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.

Hình thức mua chưa thanh toán của công ty thường được áp dụng khi mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty. Việc theo dõi các khoản thanh toán với người bán được kế toán thực hiện trên sổ sách.

Mô hình nghiệp vụ:



Khi nhận được hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho do thủ kho giao:

- Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- Định kỳ, căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra (Biểu số 9) để lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 10)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Số: 01/3

Ngày 10 tháng 03 năm 2012

Loại chứng từ gốc: Mua vật liệu chưa thanh toán

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh (chứng từ gốc)	Ghi Có TK 331		
	Số hiệu	NT		Tổng số tiền	Ghi Nợ các TK	
					TK 133	TK 152
1	2	3	4	5	6	7
01/03	PN01/03	01/03	Mua thép D18 nhập kho	81.235.000	7.385.000	73.850.000
02/03	PN02/03	02/03	Mua xi măng PCB40 nhập kho	25.350.000	2.277.300	23.073.000
...
06/03	PN10/03	06/03	Mua đá 1x2 nhập kho	18.150.000	1.650.000	16.500.000
...
10/03	PN15/03	10/03	Mua nhựa đường	14.080.000	1.280.000	12.800.000
			Cộng	284.871.730	25.897.430	258.974.300

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)

Biểu số 9 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán viên căn cứ vào Bảng Tổng hợp chứng từ cùng loại trên để lập Chứng từ ghi sổ.

Biểu số 10: Chứng từ ghi sổ số 01/03

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số: S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 01/3

Ngày 10 tháng 03 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
(A)	(B)	(C)	1	(D)
Mua NVL nhập kho chưa thanh toán	152	331	258.974.300	
Thuế GTGT	133	331	25.897.430	
Cộng			284.871.730	

Kèm theo... chứng từ gốc

Lập, Ngày 10 tháng 03 năm 2012

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

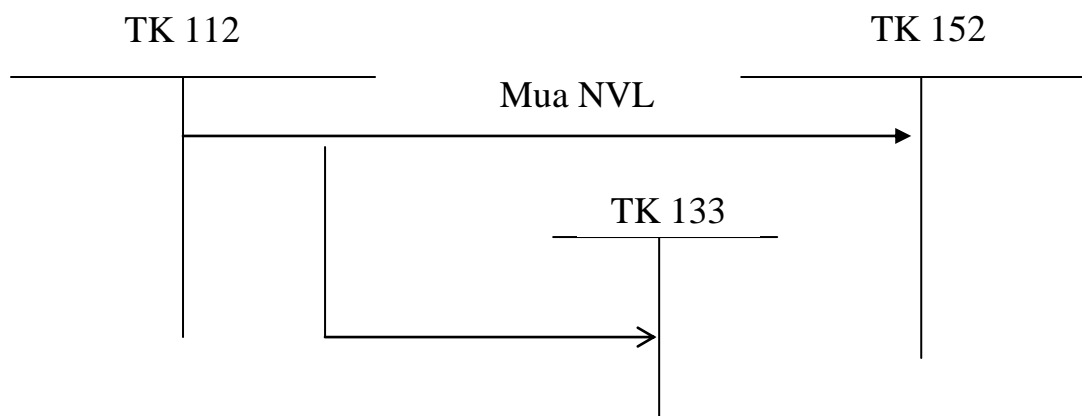
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.6.1.2 Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Thông thường việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ: - Ngày 15/03/2012, mua 200m² cốp pha tôn của công ty TNHH&VT Hải Anh thanh toán bằng chuyển khoản. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001865 có:

Giá mua chưa thuế:	44.000.000đ
Thuế GTGT (thuế suất 5%):	2.200.000đ
Tổng giá thanh toán:	46.200.000đ

- Ngày 20/03/2012 mua 30 tấn xi măng PCB40 của công ty TNHH Vân Bình thanh toán bằng chuyển khoản. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0034289 có:

Giá chưa thuế :	34.290.000đ
Thuế GTGT (thuế suất 10%):	3.429.000đ
Tổng giá thanh toán:	37.719.000đ

Khi nhận được các hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho thủ kho giao:

- Kế toán viên căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- Căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để định khoản.
- Định kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng Tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra (Biểu số11) để lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 12).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Số: 15/3

Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Loại chứng từ gốc: Mua vật liệu thanh toán bằng chuyển khoản

<i>NT ghi số</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh (chứng từ gốc)</i>	<i>Ghi Có TK 112</i>		
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>		<i>Tổng số tiền</i>	<i>Ghi Nợ các TK</i>	
					<i>TK 133</i>	<i>TK 152</i>
1	2	3	4	5	6	7
15/03	PN16/03	15/03	Mua cốp pha tôn nhập kho	46.200.000	2.200.000	44.000.000
20/03	PN22/03	20/03	Mua Xi măng PCB40 nhập kho	37.719.000	3.429.000	34.290.000
			Cộng	83.919.000	5.629.000	78.290.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

*Biểu số 11 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12: Chứng từ ghi sổ số 15/3

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số: S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 15/3

Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
(A)	(B)	(C)	1	(D)
Mua NVL nhập kho thanh toán bằng chuyển khoản	152	112	78.290.000	
Thuế GTGT	133	112	5.629.000	
Cộng			83.919.000	

Kèm theo ... chứng từ gốc

Lập, Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

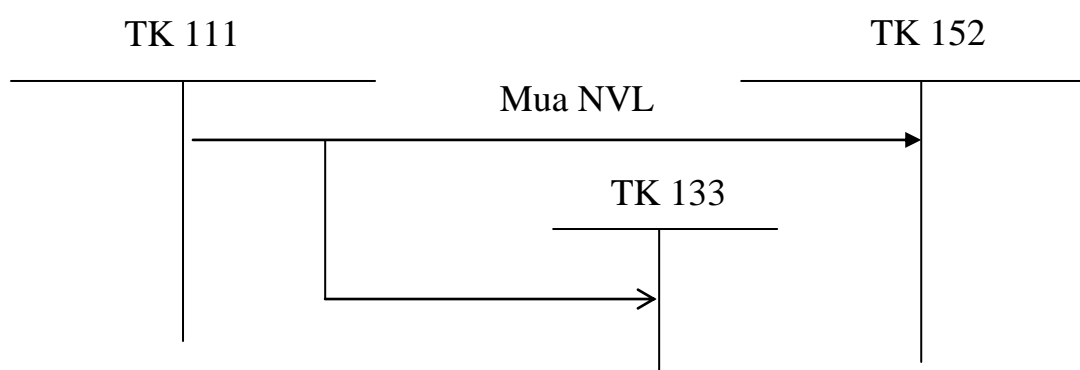
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.6.1.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài thanh toán bằng tiền mặt.

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ: - Ngày 16/03/2012 mua 1.200 kg thép d18 của công ty TNHH Tú Nhận thanh toán bằng tiền mặt. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0033289 có:

Giá chưa thuế :	17.724.000
Thuế GTGT (thuế suất 10%):	1.772.400
Tổng giá thanh toán:	19.496.400

- Ngày 20/03/2012 mua xăng A92 thanh toán bằng tiền mặt. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000178 có:

Giá chưa thuế :	1.442.700
Thuế GTGT (thuế suất 10%):	144.270
Tổng giá thanh toán:	1.586.970

Khi nhận được các hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho do thủ kho giao

- Kế toán viên căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và lập phiếu chi.

- Định kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng Tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra (Biểu số 13) để lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 14).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Số: 16/3

Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Loại chứng từ gốc: Mua vật liệu thanh toán bằng tiền mặt

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh (chứng từ gốc)	Ghi Có TK 111		
	Số hiệu	NT		Tổng số tiền	Ghi Nợ các TK	
					TK 133	TK 152
1	2	3	4	5	6	7
...
16/03	PN18/03	16/03	Mua thép d18 nhập kho	19.496.400	1.772.400	17.724.000
...
20/03	PN22/03	20/03	Mua Xăng A92 nhập kho	1.586.970	144.270	1.442.700
			Cộng	48.870.470	4.442.770	44.427.700

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Biểu số 13 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14: Chứng từ ghi sổ 16/03

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**

Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số: S02a- DN

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 16/3

Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
(A)	(B)	(C)	1	(D)
Mua NVL thanh toán bằng tiền mặt	152	111	44.427.700	
Thuế GTGT	133	111	4.442.770	
Cộng			48.870.470	

Kèm theo... chứng từ gốc

Lập, Ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.6.2. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Kỳ kế toán của Công ty là theo tháng chính vì vậy mà chỉ đến cuối tháng, kế toán tập hợp tất cả các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu để phân bổ chi phí cho từng khoản mục (Biểu số 15). Qua đó, kế toán lập một chứng từ ghi sổ cho cả tháng về nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu (Biểu số 16). Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Biểu số 9).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
Và Xây dựng Minh Vũ
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số : 07 - VT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)

**BẢNG
PHÂN**

BỔ NGUYÊN VẬT LIỆU Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Ghi có TK		TK 152.1	TK 152.2	TK 152.3	TK 152.4	Cộng
Ghi nợ TK						
TK 621		803.183.300	458.961.900	229.480.600	114.740.900	1.606.366.700
TK 621.1	Đội CT 1	112.261.800	63.989.300	32.555.900	15.716.600	224.523.600
TK 621.2	Đội CT 2	192.448.400	109.695.000	55.810.800	26.942.800	384.897.000
TK 621.3	Đội CT 3	498.473.100	285.277.600	141.113.900	72.081.500	996.946.100
TK 627			66.309.500	30.154.700	16.077.400	112.541.600
TK 621.1	Đội CT 1		9.286.000	4.178.500	2.228.600	15.693.100
TK 621.2	Đội CT 2		15.919.100	7.164.000	3.821.000	26.904.100
TK 621.3	Đội CT 3		41.104.400	18.812.200	10.027.800	69.944.400
TK 642			25.100.500	12.632.400	6.288.800	44.021.700
TK 642.2	Văn phòng		25.100.500	12.632.400	6.288.800	44.021.700
Cộng		803.183.300	550.371.900	272.267.700	137.107.100	1.762.930.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 15: Bảng phân bổ nguyên vật liệu tháng 3/2012
(Nguồn số liệu trích từ Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16 : Chứng từ ghi sổ số 40/3

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số: S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 40/3

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
(A)	(B)	(C)	1	(D)
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	152	1.606.366.700	
Chi phí sản xuất chung	627	152	112.541.600	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	152	44.021.700	
Cộng			1.762.930.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Lập, Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Từ các chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 152. Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu trên dòng cộng phát sinh và dòng số dư của sổ cái với số liệu trên dòng tổng cộng của bảng tổng hợp chi tiết vật liệu. Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái được ghi vào bảng cân đối số phát sinh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18 : Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 3/2012

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và

Xây dựng Minh Vũ

Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số S02b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 3 năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
(A)	(B)	1
01	10/03	284.871.730
02	10/03	77.892.505
03	10/03	30.411.007
04	10/03	68.805.410
...
15	20/03	83.919.000
16	20/03	48.770.470
...
40	31/03	1.762.930.000
Cộng tháng 3		18.930.609.050

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01...
- Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích từ sổ đăng ký CTGS tháng 3/2012 của công ty CPĐTTM và XD Minh Vũ)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19 : Sổ cái TK 152

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ
Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

Mẫu số S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 3 năm 2012

Tài khoản 152 : Nguyên vật liệu

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		542.365.000	
01	10/03	Mua thép d18 nhập kho	331	73.850.000	
01	10/03	Mua xi măng nhập kho	331	23.073.000	
01	10/03	Mua đá 1x2 nhập kho	331	16.500.000	
...
15	20/03	Mua cốp pha tôn nhập kho	112	44.000.000	
15	20/03	Mua xi măng nhập kho	112	34.290.000	
...
16	20/03	Mua thép d18 nhập kho	111	29.540.000	
16	20/03	Mua xăng A92 nhập kho	111	1.442.700	
...
40	31/03	Xuất NVL để thi công	621		1.606.366.700
40	31/03	Xuất NVL cho thi công	627		112.541.600
40	31/03	Xuất NVL cho QLDN	642		44.021.700
		Tổng phát sinh		1.968.814.000	1.762.930.000
		Số dư cuối kỳ		748.249.000	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

- Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Trích từ sổ cái TK 152 tháng 3/2012 của công ty CPĐTTM và XD Minh Vũ)

2.6.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.

Vì công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, do đó tùy theo thời gian thực hiện mà công ty tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu một cách hợp lý nhất. Mục đích của việc kiểm kê là để xác định một cách chính xác về số lượng và chất lượng của từng loại NVL hiện có trong kho. Bên cạnh đó còn kiểm tra công tác bảo quản NVL, ý thức trách nhiệm của thủ kho, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác bảo quản, đồng thời phát hiện các trường hợp mất mát, hư hỏng từ đó tìm ra nguyên nhân và trách nhiệm của từng người để có biện pháp xử lý thích hợp. Ngay trước khi tiến hành kiểm kê, kế toán viên tiến hành khóa sổ kế toán, xác định số lượng và giá trị tồn kho tại thời điểm bắt đầu kiểm kê, thủ kho phải tiến hành niêm phong kho.

Trong trường hợp NVL thực tế lớn hơn so với sổ sách, ban kiểm kê sẽ tiến hành đối chiếu lại giữa số NVL thừa về số lượng, chủng loại với sổ sách kế toán, các chứng từ liên quan đến vật tư như hóa đơn, hợp đồng, biên bản giao nhận, phiếu nhập kho... để xác định số NVL thừa đó có thuộc quyền sở hữu của công ty hay không. Nếu số NVL được xác định thuộc về quyền sở hữu của công ty sẽ được ghi tăng TK 152. Còn nếu không phải thuộc sở hữu của công ty thì đưa vào TK 002 - vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ.

Trong trường hợp NVL thực tế nhỏ hơn trên sổ sách thì phải tiến hành tìm hiểu nguyên nhân để có biện pháp xử lý phù hợp. Nếu là do cá nhân làm hỏng thì phải đưa ra biện pháp bồi thường thích đáng như trừ vào lương hay bồi thường bằng tiền... Còn trường hợp do các nguyên nhân khách quan thì sẽ đưa vào giá vốn phần thiệt đó.

Nhìn chung, công tác quản lý vật liệu của công ty là tốt, không có trường hợp mất mát, hư hỏng. Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/03/2012. Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư (Biểu số 20)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Tháng 3 năm 2012

Thời điểm kiểm kê : 9h00 ngày 31 tháng 03 năm 2012.

Ban kiểm kê bao gồm :

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Trưởng ban | Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ |
| - Ông Quách Văn Hà | Ủy viên | Thủ kho |
| - Bà Cao Thị Vân Anh | Ủy viên | Kế toán viên |

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng sau :

T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐV T	Số sách		Thực tế		Chênh lệch				Chất lượng		
			SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	TT	SL	TT			
1	Xi măng PCB40	tấn	10	11.430.000	10	11.430.000	-		-		X		
2	Thép d18	kg	1.200	19.496.400	1.200	19.496.400	-		-		X		
3	Thép d16	kg	800	12.997.600	800	12.997.600	-		-		X		
4	Sơn xanh	kg	110	2.350.000	110	2.350.000	-		-		X		
...									

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả các vật tư còn tốt 100%, không chênh lệch giữa sổ sách và kết quả kiểm kê.

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Ký, họ tên)

Biểu số 20 : Biên bản kiểm kê vật tư tháng 3/2012

CHƯƠNG III
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG
MINH VŨ

1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ trong thời gian tới.

Căn cứ vào những thành tựu cũng như những hạn chế, khó khăn, đồng thời đứng trước thách thức cũng như chiến lược phát triển của toàn ngành, Công ty Minh Vũ đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong phát triển sản xuất kinh doanh như sau :

1/ - Duy trì kinh doanh ở mức tăng trưởng hợp lý và vững chắc. Nâng cao năng lực quản lý điều hành thi công, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

- Thi công đảm bảo an toàn, đúng hướng, đúng pháp luật, đúng quy chế có hiệu quả kinh tế cao.

2/ Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường bên ngoài Hải Phòng - Hải Dương - Quảng Ninh – Hà Nội. Tập trung chú trọng các ngành như : công trình dân dụng và những ngành phù hợp với điều kiện thi công của công ty. Tập trung chỉ đạo, điều hành tốt các công trình, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

3/ Từng bước đầu tư năng lực, thiết bị thi công xây lắp đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và hiệu quả đầu tư. Chủ động tích cực thu hồi vốn và triệt để tiết kiệm, đảm bảo an toàn tuyệt đối.

4/ Công ty luôn xác định yếu tố con người là then chốt, tạo nên sự phát triển bền vững của đơn vị. Để bắt kịp với sự phát triển nhanh chóng của thị trường xây dựng trong những năm tới, công ty sẽ xây dựng và phát triển nguồn lực con người mạnh về mọi mặt, đủ về chất lượng và số lượng, có năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ mới. Đồng thời tăng cường giáo dục ý

thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của mọi người trong việc chấp hành quy định của công ty.

5/ Liên doanh, liên kết với các công ty trong và ngoài nước để tạo thêm sức mạnh trong việc phát triển công ty và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xây dựng. Không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và uy tín của công ty.

2. Đánh giá chung công tác hạch toán công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ gặp không ít các khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp làm cho cung vượt quá cầu. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán công ty nói riêng.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác kế toán tại công ty và trên cơ sở những kiến thức đã được học, sự vận dụng lý luận vào thực tiễn, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng ở công ty đã đạt được những kết quả tích cực và cũng còn một số mặt hạn chế.

2.1. Ưu điểm:

❖ Về công tác tổ chức kế toán nói chung:

- Trong công tác kế toán, công ty đã xây dựng cho mình một đội ngũ kế toán viên vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác kế toán, luôn áp dụng chế độ kế toán hiện hành kịp thời. Công việc kế toán được phân công cụ thể, phù hợp với trình độ nhân viên kế toán, từ đó tạo điều kiện phát huy và nâng cao trình độ kiến thức cho từng người. Chính điều này tạo ra một bộ máy kế toán được tổ chức một cách gọn nhẹ, chặt chẽ, khoa học, tận dụng được hết khả năng của nhân viên kế toán đồng thời tăng thêm thu nhập cho từng người.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, toàn bộ công tác kế toán được tập trung tại phòng tài chính kế toán. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp. Hơn nữa, đội ngũ nhân viên của phòng kế toán đều là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao. Nhân viên kế toán được giao phụ trách một số phần hành công việc cụ thể, tạo điều kiện cho việc đi sâu tìm hiểu công việc được giao và nâng cao nghiệp vụ, phát huy hết khả năng của mình. Điều đó đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm và hợp tác hoá trong lao động.

- Hình thức kế toán Công ty áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Đây là hình thức đơn giản, phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm hoạt động của Công ty. Hình thức này có ưu điểm là ghi chép rõ ràng, chi tiết, dễ xem, dễ kiểm tra, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập Báo cáo tài chính.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta.

- Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

- Công ty thực hiện việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh theo quý, hàng tháng công ty vẫn lập báo cáo quản trị gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy thường xuyên.

❖ *Về công tác kế toán nguyên vật liệu*

- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty. Việc áp dụng phương pháp này cho phép phòng kế toán theo dõi và nắm bắt tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục. Từ đó phục vụ tốt công tác kế toán và giúp lãnh đạo biết rõ tình hình sản xuất của công ty.

- Việc vận dụng phương pháp ghi thẻ song song đơn giản nhất và dễ làm, tính toán đơn giản và dễ kiểm tra, dễ đối chiếu. Kế toán căn cứ vào chứng từ để luân chuyển và ghi sổ chi tiết.

- Công ty áp dụng phương pháp tính giá thực tế nhập trước - xuất trước, theo phương pháp này chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

❖ *Về công tác thu mua và quản lý nguyên vật liệu.*

- *Về khâu thu mua:* việc thu mua được tiến hành tại phòng kỹ thuật nghiệp vụ đã tạo nên sự độc lập trong khâu thu mua và hạch toán. Bên cạnh đó các loại nguyên vật liệu đều được tiến hành kiểm định chất lượng rất chặt chẽ trước khi tiến hành nhập kho do đó chất lượng vật tư được đảm bảo.

- *Về khâu dự trữ bảo quản:*

+ Nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ nguyên vật liệu. Công ty luôn đảm bảo dự trữ ở mức hợp lý nhằm đáp ứng cho việc xây dựng được liên tục mà không gây ứ đọng vốn. Công ty thường nhập vật liệu và xuất kho theo phương pháp xuất thẳng vì thế mà nguyên vật liệu tồn kho là không nhiều. Đặc biệt, tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguyên vật liệu.

+ Công ty đã xây dựng lên định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng công trình, điều này giúp có thể kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, xác định được mức dự trữ nguyên vật liệu hợp lý. Đây là cơ sở để Công ty xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch thu mua nguyên vật liệu hợp lý về cả số lượng và thời gian do vậy giảm chi phí bảo quản nguyên vật liệu. Bên cạnh đó còn chủ động được về tài chính và nguồn hàng.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được trong công tác kế toán nguyên vật liệu thì ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ vẫn tồn tại những hạn chế sau:

2.2 Hạn chế

- Vì Công ty hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng nên có nhiều công trình ở xa. Do đó, việc vận chuyển nguyên vật liệu từ người bán tới tận chân công trình thường chiếm một thời gian dài, quá trình vận chuyển phức tạp, không tránh khỏi mất mát, hư hỏng.

Bên cạnh đó, việc bảo quản vật tư không phải là dễ, một số nguyên vật liệu không thể để được ở ngoài trời, có những vật tư mua về phải dùng ngay, bảo quản tốt, không được để quá thời hạn cho phép, nếu không sẽ kém chất lượng, hư hỏng.

Tất cả các trường hợp hư hỏng vật liệu trong quá trình vận chuyển gây mất mát ứ đọng vốn, vừa gây thiệt hại về khoản chi phí bảo quản vừa làm giảm lợi nhuận của công ty.

- Trong công tác kế toán nguyên vật liệu, Công ty Minh Vũ sử dụng phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu nhưng việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán lại trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác, do việc kiểm tra đối chiếu chỉ tiến hành cuối tháng nên đã hạn chế chức năng kiểm tra của công tác kế toán.

- Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính thủ tục, rườm rà như việc mua nguyên vật liệu về xuất thẳng xuống bộ phận sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà tiến hành

làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

- Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- Về ứng dụng phần mềm kế toán: Do khối lượng sổ sách nhiều lại làm kế toán Excel trên máy vi tính nên cuối kỳ hay mỗi kỳ kế toán, nhiệm vụ của kế toán là khá nhiều. Việc hạch toán kế toán trong đơn vị có khối lượng lớn nhưng vẫn được thực hiện thủ công, tuy có sử dụng máy vi tính nhưng công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên tốn nhiều thời gian, lãng phí nhân công, việc sử dụng máy vi tính chưa phát huy hết hiệu quả.

3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

3.1 Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2 Yêu cầu hoàn thiện.

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yêu cầu sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.
- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...). Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của nhà nước.
- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất.
- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế

thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

3.3 Nội dung hoàn thiện.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác hạch toán nguyên vật liệu đạt được ta vẫn có thể nhận thấy một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Do đó để hoàn thiện những vấn đề chưa hợp lý đó, em xin đưa ra một số ý kiến để việc hạch toán quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, phù hợp hơn với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo chế độ kế toán áp dụng.

Thứ nhất, về việc quản lý vật tư.

- Việc quản lý vật tư hiện nay của công ty là tương đối chặt chẽ và đảm bảo nguyên tắc nhập xuất vật liệu. Tuy nhiên, qua thực tế các đội, ta nhận thấy quản lý còn có vài thiếu sót, gây lãng phí vật tư nhất là các loại vật tư mua được chuyển thẳng tới các công trình như cát, sỏi, vôi đá... để thuận tiện cho việc xuất dùng sử dụng, chỗ để vật tư thường xuyên chuyển đổi, việc giao nhận các loại vật tư này không được cân đo đong đếm kỹ lưỡng nên dễ dẫn đến thất thoát một lượng vật tư tương đối lớn. Vì vậy ở công trường cần chuẩn bị đầy đủ nhà kho chứa vật tư, chuẩn bị chỗ để vật tư để bảo vệ thuận tiện cho quá trình thi công, xây dựng công trình và việc đong đếm cũng phải tiến hành chặt chẽ hơn để giảm bớt việc thất thoát một cách vô ý không ai chịu trách nhiệm. Trong công tác thu mua vật liệu, các đội ký hợp đồng mua tại chân công trình, đây cũng là một mặt tốt nhằm giảm bớt công tác cho cán bộ tiếp liệu. Tuy nhiên về giá cả có thể không thống nhất, cần phải được tham khảo kỹ lưỡng, cố gắng khai thác các nguồn cung cấp có giá hợp lý, chất lượng, khối lượng đảm bảo và chọn nhà cung cấp có khả năng dồi dào, cung cấp vật tư cho đội để đảm bảo cho việc thi công xây dựng công trình không bị gián đoạn do thiếu vật tư. Đồng thời với các công tác trên, phòng kế toán cần tăng cường hơn nữa trong công tác kiểm tra giám sát tới từng công trình về việc dự toán thi công, lập kế hoạch mua sắm, dự trữ nguyên vật liệu, kiểm tra

sổ sách, kiểm tra các báo cáo kế toán nguyên vật liệu tránh các trường hợp vật tư nhập kho lại không đủ chứng từ gốc.

- Bên cạnh đó công ty nên đề ra các biện pháp nhằm khuyến khích sử dụng nguyên vật liệu một cách hợp lý, tiết kiệm như áp dụng những thiết bị thi công tiên tiến hiện đại. Cần có các biện pháp thưởng phạt thích hợp để khuyến khích nhân viên tiết kiệm vật tư. Vì các công trình của công ty rải rác khắp nơi nên dễ dẫn đến hao hụt trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Thứ hai, hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu.

Khi công ty mua vật liệu ngoài thường có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp 1: Nguyên vật liệu mua về nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho, và sau đó theo yêu cầu xuất của sản xuất sẽ tiến hành xuất vật tư.

- Trường hợp 2: Do nhu cầu cần vật liệu ngay nên nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập, xuất kho như trường hợp 1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập, xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, sẽ hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Trường hợp này công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và lập phiếu giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu không qua kho, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho. Đồng thời là căn cứ để thanh toán tiền hàng tính vào chi phí, xác định trách nhiệm đối với những người được giao quản lý, sử dụng nguyên vật liệu và là căn cứ để ghi sổ kế toán. Dưới đây là mẫu phiếu giao nhận nguyên vật liệu:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**

Số 4/46 – Nghĩa Xá – Lê Chân - HP

PHIẾU GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngày...tháng...năm...

Số :.....

Nợ :.....

Có :.....

- Họ tên người giao: Địa chỉ:.....
- Họ tên người nhận:..... Địa chỉ:.....
- Địa điểm giao nhận:.....
- Theo.....số.....ngày...tháng...năm...của.....tiến hành giao,
nhận các loại nguyên vật liệu sau:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, chủng loại vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(D)	1	2	3	4
1							
2							
3							
...							
	Cộng						

Ngày....tháng....năm....

Người lập

(ký, họ tên)

Người giao

(ký, họ tên)

Người nhận

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thứ ba, về việc lập phiếu báo vật tư cuối kỳ.

Ở công ty trong kỳ, số vật tư dùng phục vụ thi công là theo kế hoạch, vì vậy trong quá trình thi công vẫn còn xảy ra tình trạng lượng tiêu hao nguyên vật liệu thực tế ít hơn kế hoạch, dẫn đến cuối kỳ vẫn còn vật liệu ở đơn vị thi công chưa sử dụng tới. Nếu vật tư còn lại tạm thời không được sử dụng nữa thì lập phiếu nhập kho và nộp lại kho. Nếu vật tư còn sử dụng tiếp thì bộ phận sử dụng (từng đội) lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ làm hai bản. Một bản giao cho phòng kỹ thuật và một bản giao cho phòng kế toán. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ gửi cho phòng kế toán để theo dõi vật tư tồn cuối kỳ đồng thời làm căn cứ để tính giá thành sản phẩm và kiểm tra tình hình thực hiện định mức sử dụng vật liệu. Sau mỗi hạng mục công trình, các đơn vị thi công phát hiện thấy số vật liệu còn tồn lại, căn cứ vào từng loại vật liệu và khả năng sử dụng vật liệu để xuất dùng ở các kỳ tiếp theo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại

Mẫu số: VT - 04

Và Xây dựng Minh Vũ

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

Bộ phận:

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của BTC)

PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày...tháng...năm...

Số:.....

Bộ phận sử dụng:.....

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do (còn sử dụng hay trả lại)
(A)	(B)	(C)	(D)	1	(E)
1					
2					
...					

Phụ trách bộ phận sử dụng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thứ tư, mở sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Để đảm bảo cho việc cung cấp nguyên vật liệu được liên tục làm cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn là công việc quan trọng hàng đầu, do vậy việc tìm nguồn vật tư cung cấp thường xuyên cho thi công với chất lượng tốt sẽ là mối quan tâm của công ty. Bên cạnh đó, phải theo dõi tình hình thanh toán, phương thức thanh toán để có những biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy mối quan hệ mua bán. Do đó, để phù hợp với yêu cầu theo dõi một cách thuận lợi, liên tục, có hệ thống, kế toán nên mở sổ chi tiết tài khoản 331 theo mẫu sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**
Số 4/46 - Nghĩa Xá - Lê Chân - HP

Mẫu số: S31 - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản:..... Số hiệu :

Đối tượng:

Loại tiền : VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được CK	Số PS		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số PS						
								
								
								
			Cộng số PS	x	x			x	x
			Số dư cuối kỳ	x	x	x	x		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01...
- Ngày mở sổ...

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thứ năm, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, Công ty dựa vào các chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho.

Tài khoản sử dụng: TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu TK 159:

- Bên nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Số dư bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho có cuối kỳ.

Công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại nguyên vật liệu thường tồn kho với số lượng lớn và giá cả có khả năng biến động cao như: sắt, thép, xi măng.

* Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được lập theo các điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho .
- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định một lần vào cuối niên độ kế toán trên cơ sở kiểm kê hàng tồn kho và đối chiếu giá gốc (ghi trên sổ kế toán) với giá thị trường của từng loại hàng tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

* Công thức xác định mức dự phòng giảm giá của từng loại nguyên vật liệu

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{cần lập của} \\ \text{từng loại NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{tồn kho của} \\ \text{NVL đó} \end{array} + \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá gốc của} \\ \text{một đơn vị} \\ \text{NVL} \end{array} \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực hiện} \\ \text{được của NVL} \end{array} \right\}$$

* Phương pháp lập dự phòng giảm giá đối với nguyên vật liệu tồn kho

1, Cuối niên độ kế toán căn cứ vào mức trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

2, Cuối niên độ sau (N+1), tính mức dự phòng cần lập, nếu:

- Mức dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ sau cao hơn mức dự phòng giảm giá HTK đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được lập thêm, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

- Mức dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ sau thấp hơn mức dự phòng giảm giá HTK đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được hoàn nhập dự phòng, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại
và Xây dựng Minh Vũ**

Số 4/46 - Nghĩa Xá - Lê Chân - HP

BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Ngày...tháng...năm...

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Mức chênh lệch
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	$3= 1 \times 2$	4	$5= 1 \times 4$	$6= 5-3$
1								
2								
3								
...
Cộng								

Thứ sáu, hoàn thiện ứng dụng công nghệ tin học vào tổ chức kế toán.

Mặc dù đã tin học hóa công tác tài chính kế toán nhưng đến nay, phần mềm kế toán của Công ty Minh Vũ đang sử dụng thể hiện nhiều sự bất lợi của nó. Phần mềm kế toán rất sơ sài, chủ yếu dựa trên nền Excel và thực tế có nhiều nội dung không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý.

Do vậy, công ty nên nghiên cứu, đầu tư để nâng cấp hệ thống mạng hiện có và trang bị lại phần mềm kế toán. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều sản phẩm phần mềm kế toán hoàn chỉnh khá ưu việt.

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Hiện nay, nhiều chương trình có tính mở cao, nó cho phép người dùng có thể tùy biến cơ sở dữ liệu, tự xây dựng các báo cáo riêng phù hợp với yêu cầu và đặc thù của đơn vị mình. Sau đây, em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phần mềm kế toán MetaData Accounting.

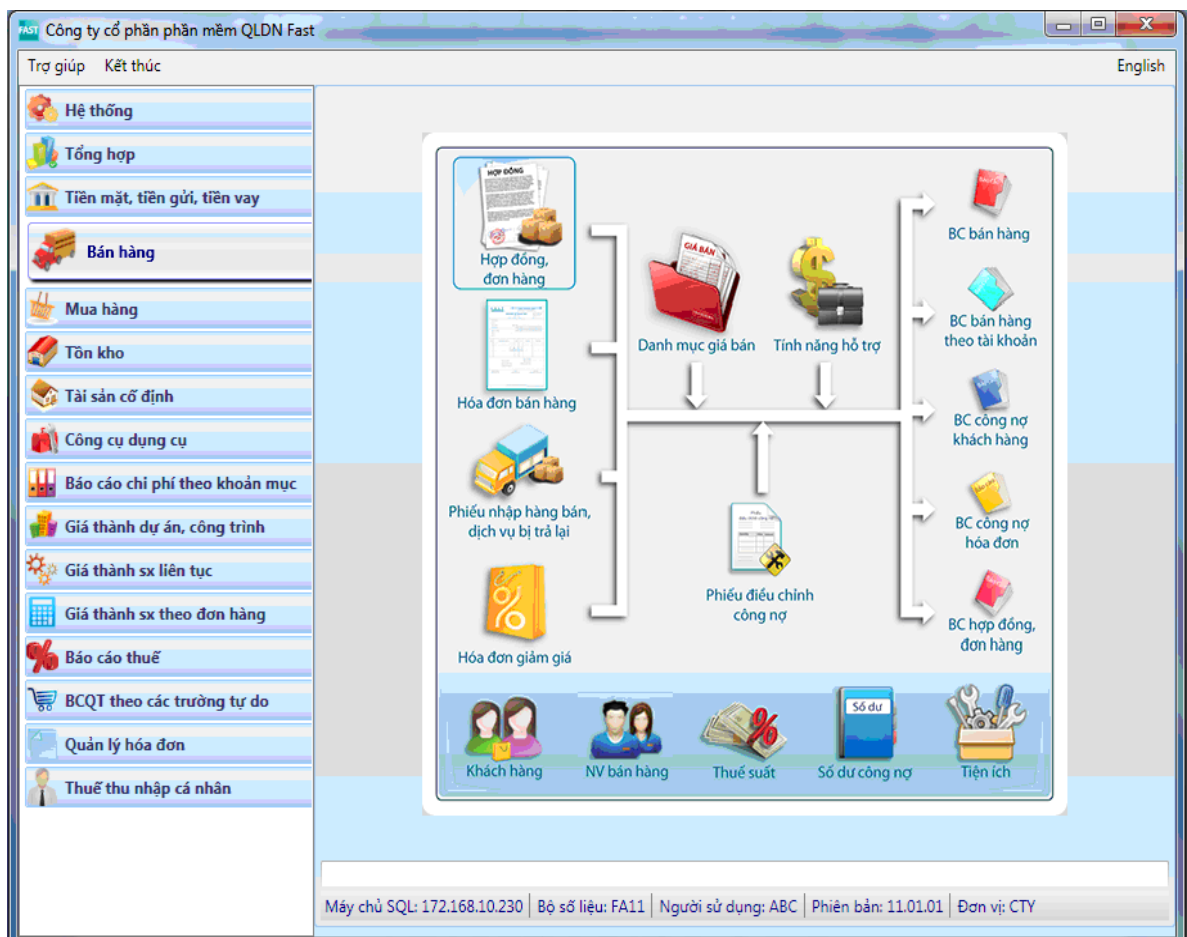


Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm kế toán MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng được cấu trúc một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng, Xuất/Nhập khẩu, ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Fast Accounting có nhiều tính năng mạnh mẽ và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả. Phần mềm kế toán Fast Accounting cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp: lựa chọn hình thức ghi chép sổ sách kế toán, lựa chọn phương pháp kiểm kê hàng tồn kho (theo kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ), lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho và tính tỷ giá ghi sổ (giá trung bình tháng, giá trung bình di động, giá đích danh, giá nhập trước xuất trước, giá giao dịch), có các trường thông tin tự do để người dùng tự định nghĩa sử dụng để quản lý theo các yêu cầu đặc thù...



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

Phần mềm này khá phổ biến hiện nay. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ như: phân hệ in hóa đơn theo nghị định 51, phân hệ quỹ, phân hệ ngân hàng, phân hệ mua hàng, phân hệ bán hàng, phân hệ kho, phân hệ công cụ dụng cụ, phân hệ tiền lương, phân hệ giá thành, phân hệ thuế,... được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cho phép theo dõi, kiểm soát, quản lý, nắm bắt chi tiết, nhanh chóng số lượng nhập, xuất, tồn vật tư tại mỗi thời điểm. Cho phép kiểm soát số lượng vật tư sử dụng theo từng phòng ban. Giá cả của phần mềm này cũng không cao, theo thông tin từ trang web của MISA thì phiên bản này giá 9.450.000 VNĐ.



- Phần mềm kế toán APRO2012



Phần hệ quản lý vật tư, hàng hoá trong Phần mềm Kế toán Apro là một modul Hoàn chỉnh, có thể hoạt động độc lập như là một phần mềm quản lý Vật tư hay Quản lý kho, đồng thời là một phần rất quan trọng trong Kế toán kho hay kế toán bán hàng - sản phẩm

Việc áp dụng phần mềm kế toán mới vào công tác kế toán sẽ làm giảm nhẹ rất nhiều công sức cho nhân viên kế toán, nâng cao khả năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác cho mọi đối tượng cần quan tâm đến, nhất là ban quản lý như giám đốc. Tuy nhiên, việc sử dụng phần mềm kế toán không phải việc đơn giản. Do đó để nâng cao hiệu quả hơn nữa, công ty nên cử cán bộ, nhân viên kế toán đi học bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn, hoặc có thể tuyển dụng thêm nhân viên kế toán mới có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Đồng thời, các cán bộ, nhân viên kế toán phải thường xuyên cập nhật và ứng dụng nhạy bén những thông tin kế toán, những quy định mới để không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty.

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu cùng với phân lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời, đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu đối với việc quản lý của công ty. Từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát và luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quá trình thanh toán, tập hợp chi phí... và đặc biệt đi sâu vào trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Từ đó thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ. Khóa luận đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cũng như công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận còn hạn chế và thời gian thực tập không nhiều, bài khóa luận của em chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh để khóa luận của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Tô Thúy Hoa cùng các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Sinh viên

Hoàng Thị Hải Yến